

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành Chứng chỉ Quỹ cho các Nhà đầu tư chỉ có nghĩa là việc xin phép lập Quỹ và phát hành Chứng chỉ Quỹ đầu tư đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TRIỂN VỌNG BẢO VIỆT

1. Tên của Quỹ: **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF)**
2. Số giấy phép: **Số 24/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2016**
3. Loại hình Quỹ: **Quỹ mở**
4. Ngày đăng ký với UBCKNN:
5. Thời hạn hiệu lực:
6. Thông cáo nội dung sau:

“Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là Quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày / / ”.

7. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin.

- Họ và tên: **Nguyễn Đình An**
 - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
 - Địa chỉ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (Viết tắt: BVF)**
Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
- Điện thoại: **(84-24) 3928 9589** Fax: **(84-24) 3928 9590**

8. Nơi cung cấp Bản cáo bạch:

- **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**
 - o Trụ sở chính: **Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội**
 - o Điện thoại: **(84-24) 3928 9589** Fax: **(84-24) 3928 9590**
 - o Website: **<http://www.baovietfund.com.vn>**
- **Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này**

MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
II.	CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA	4
III.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	7
3.1	Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	7
3.2	Cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu Việt Nam.....	10
IV.	THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	12
4.1	Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ.....	12
4.1.1	Thông tin cơ bản.....	12
4.1.2	Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty Quản lý Quỹ.....	13
4.1.3	Giới thiệu về Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty Quản lý Quỹ.....	16
4.1.4	Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ	17
4.2	Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.....	17
4.2.1	Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ.....	17
4.2.2	Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:.....	20
4.3	Quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý	21
V.	NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	21
VI.	TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	22
VII.	ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ	22
VIII.	CÔNG TY KIỂM TOÁN	22
IX.	CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ.....	23
9.1	Thông tin chung về Quỹ	23
9.1.1	Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	23
9.1.2	Giấy đăng ký phát hành	23
9.1.3	Giấy phép thành lập và hoạt động.....	23
9.1.4	Ban đại diện Quỹ:.....	23
9.1.5	Người điều hành Quỹ:	24
9.2	Mục tiêu, chiến lược và hạn chế đầu tư của Quỹ	25
9.2.1	Mục tiêu đầu tư:.....	25
9.2.2	Chiến lược đầu tư.....	25
9.2.3	Hạn chế đầu tư.....	26
9.3	Rủi ro khi đầu tư vào Quỹ:.....	28
9.4	Điều lệ Quỹ.....	30

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO	30
10.1 Căn cứ pháp lý:	30
10.2. Phương án phát hành lần đầu:	30
10.3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo:.....	32
10.3.1. <i>Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường</i> :.....	32
10.3.2. <i>Chương trình đầu tư định kỳ (SIP)</i> :	35
10.3.3. <i>Chuyển nhượng phi thương mại</i>	36
10.4. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng:	36
10.4.1. <i>Xác định giá trị tài sản ròng</i> :.....	36
10.4.2. <i>Công bố giá trị tài sản ròng</i> :	37
XI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN , CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ THUẾ	37
11.1 Phân chia lợi nhuận	37
11.2 Chi phí hoạt động	38
11.2.1 <i>Phí quản lý Quỹ</i>	38
11.2.2 <i>Phí lưu ký, giám sát</i>	38
11.2.3 <i>Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan</i>	38
11.2.4 <i>Chi phí khác</i>	38
11.3 Thuế	39
XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	39
XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	39
XIV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	40
14.1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư.....	40
14.2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin	41
XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC, GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO NHÀ ĐẦU TƯ	41
XV. CAM KẾT.....	41
PHỤ LỤC 1: TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TẠI ĐIỀU LỆ QUỸ	43
PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	66
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ..	72
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ	73
PHỤ LỤC 5: BIỂU PHÍ VỚI NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, LƯU LÝ VÀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ	81

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1.1 Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt:

- | | |
|------------------------|--------------------------------|
| - Ông Nguyễn Đình An | Tổng giám đốc |
| - Bà Nguyễn Phương Anh | Giám đốc Phát triển kinh doanh |
| - Ông Mai Trung Dũng | Giám đốc Giám sát tuân thủ |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

1.2 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

- | | |
|-----------------|--------------|
| - Bà Lê Mỹ Linh | Phó Giám đốc |
|-----------------|--------------|

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ do Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt lập. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và dữ liệu chúng tôi có được và căn cứ trên Bản Cáo bạch mẫu do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 và Thông tư số 15/2016/TT – BTC ngày 20/01/2016.

II. CÁC THUẬT NGỮ / ĐỊNH NGHĨA

“Quỹ”

Là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triền vọng Bảo Việt (BVPF), hoạt động theo cơ chế quỹ mở, thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.

“Công ty Quản lý Quỹ”

Có nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này, hoặc bất kỳ công ty quản lý quỹ nào khác được lựa chọn thay thế. Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt được ủy thác để quản lý Quỹ Đầu tư Cổ

phiếu Triển vọng Bảo Việt, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

<i>"Ngân hàng Giám sát"</i>	<i>Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi là Ngân hàng Giám sát) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được lựa chọn thay thế, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</i>
<i>"Đại lý chuyển nhượng"</i>	<i>Là tổ chức được Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng cho Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</i>
<i>"Công ty kiểm toán."</i>	<i>Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</i>
<i>"Đại lý phân phối"</i>	<i>Là các tổ chức thực hiện hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ cho Quỹ được nêu rõ tại Bản cáo bạch và đảm bảo các điều kiện đăng ký hoạt động đại lý phân phối chứng chỉ quỹ mở theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.</i>
<i>"Điều lệ/Điều lệ Quỹ"</i>	<i>Là Điều lệ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</i>
<i>"Người có liên quan"</i>	<i>Là khái niệm "Người có liên quan" được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật số 70.</i>
<i>"Bản cáo bạch"</i>	<i>Là văn bản này và các Phụ lục đính kèm, các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có), đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</i>
<i>"Hợp đồng giám sát"</i>	<i>Là Hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ.</i>
<i>"Nhà đầu tư"</i>	<i>Là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư vào Quỹ.</i>
<i>"Đại hội Nhà đầu tư"</i>	<i>Là Đại hội của Nhà đầu tư có quyền biểu quyết, được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.</i>
<i>"Ban Đại diện Quỹ"</i>	<i>Là những người đại diện cho Nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu</i>

ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

“Vốn Điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn Điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ ”	Là chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành (sau đây gọi là Chứng chỉ Quỹ), dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Hạng mục đầu tư lớn của Quỹ”	Là hạng mục đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ trừ trái phiếu Chính phủ.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá Nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm phí phát hành quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi phí mua lại Chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Phí phát hành/phí mua lại”	Là phí mà Nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng chỉ Quỹ. Phí phát hành/phí mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua/giá trị mua lại theo quy định tại Điều 19 của Điều lệ Quỹ.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm

đó.

“Giá trị tài sản ròng của Quỹ” Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày trước ngày định giá.

“Ngày định giá” Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.

“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ” Là ngày định giá mà Công ty Quản lý Quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ (Ngày T).

“Thời điểm đóng sổ lệnh” Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà đầu tư để thực hiện giao dịch.

“Luật Chứng khoán” Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2007 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011.

UBCKNN Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

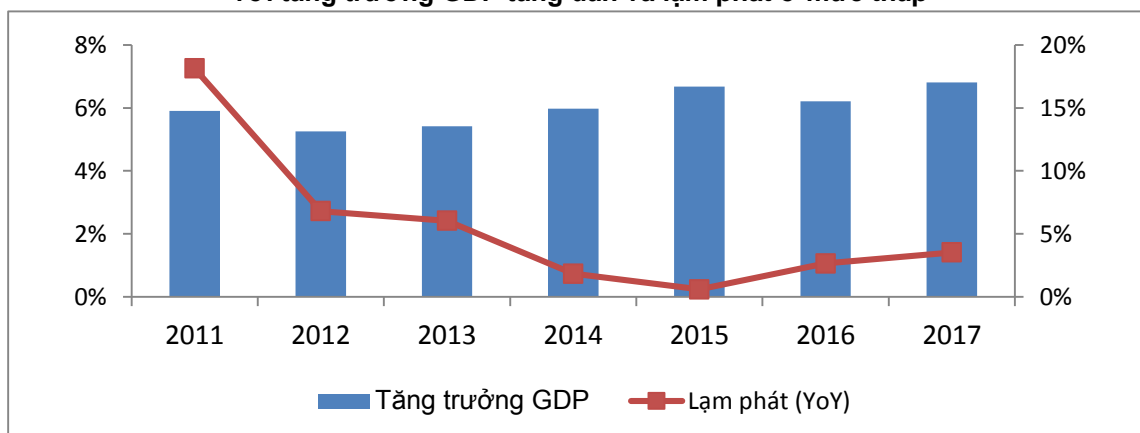
“Các định nghĩa khác” Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu năm 2011, mặc dù chịu ảnh hưởng đáng kể nhưng sau 06 năm, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều kết quả tích cực và quan trọng, thể hiện qua tăng trưởng GDP ở mức khá, lạm phát được duy trì ở mức ổn định, đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI và kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt kết quả khả quan.

Nền kinh tế dự báo bắt đầu một chu kỳ tăng trưởng mới với tăng trưởng GDP tăng dần và lạm phát ở mức thấp



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong giai đoạn 2018 – 2020, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Những động lực làm nền tảng cho sự phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn tới bao gồm:

- *Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng:*

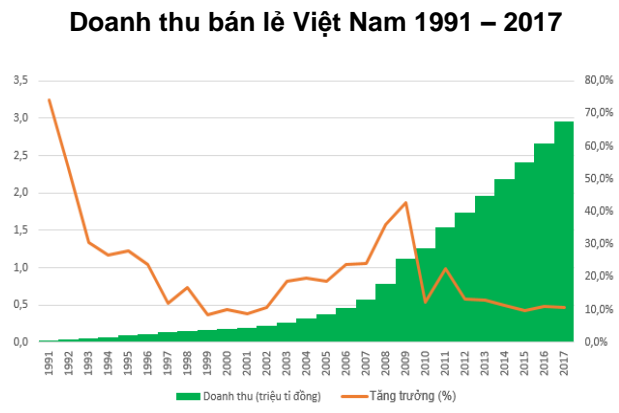
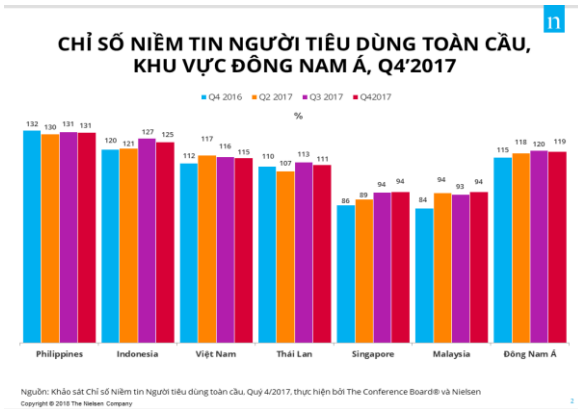
Theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2016 – 2020 của Chính phủ, giai đoạn 2018 – 2020 tiếp tục được hỗ trợ bởi một loạt các chính sách nhằm thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, như chính sách tiền tệ linh hoạt, đảm bảo giá trị đồng tiền Việt Nam; cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; thực hiện tái cấu trúc hệ thống tài chính và cải tổ khối doanh nghiệp nhà nước có hiệu quả và thực chất; chính sách tiền lương, tiền công được cải cách theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Đặc biệt, việc nâng cao vai trò của khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh được nhấn mạnh như là động lực tăng trưởng chính trong những năm tới.

Các chính sách được đưa ra tạo mọi điều kiện thuận lợi để khu vực doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển như cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam; hỗ trợ doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận bình đẳng với các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên và đẩy mạnh tinh thần khởi nghiệp. Tính đến hết năm 2017, ước tính cả nước có khoảng trên 700.000 doanh nghiệp ngoài quốc doanh đang hoạt động, sử dụng gần 62% tổng số lao động trong các loại hình doanh nghiệp, đóng góp khoảng 40% GDP cả nước.

Trong giai đoạn trước đây, chính nhờ những cải cách thể chế kinh tế theo hướng cải tổ khối doanh nghiệp nhà nước và mở hơn đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đã đem lại tăng trưởng GDP bình quân hàng năm > 7% trong một giai đoạn dài. Bên cạnh đó, việc gia tăng các cam kết quốc tế thông qua ký kết các hiệp định thương mại tự do như AEC, ASEAN + 6, VN EU FTA và đặc biệt là CPTPP... hay việc mở cửa một loạt các ngành, nói “room” cho các doanh nghiệp, mở cửa thị trường bất động sản cũng đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế trong giai đoạn sắp tới.

- *Niềm tin người tiêu dùng và tín dụng được củng cố*

Tỷ trọng thành phần tiêu dùng hộ gia đình (*yếu tố C trong GDP*) chiếm bình quân khoảng 70% trong GDP. Do vậy, biến động của thành phần này có ảnh hưởng khá lớn tới tăng trưởng GDP hàng năm. Theo báo cáo mới nhất về chỉ số niềm tin người tiêu dùng được công bố bởi Nielsen, Việt Nam đạt 115 điểm trong quý IV/2017 – đứng vị trí thứ 07 toàn cầu và là một trong những quốc gia có mức độ lạc quan nhất. Nhu cầu tiêu dùng nội địa tại Việt Nam đang giúp duy trì đà tăng trưởng GDP, theo cách chậm nhưng an toàn hơn. Tăng trưởng doanh thu bán lẻ sau khi giảm mạnh cuối năm 2012 đã hồi phục trong 05 năm trở lại đây, nhờ vào giá cả ổn định và lãi suất thấp. Chính việc lãi suất tiền gửi ngân hàng thấp cộng với niềm tin vào kinh tế tăng trưởng trở lại đã thúc đẩy người dân giảm bớt tiết kiệm và tăng cường chi tiêu trở lại.



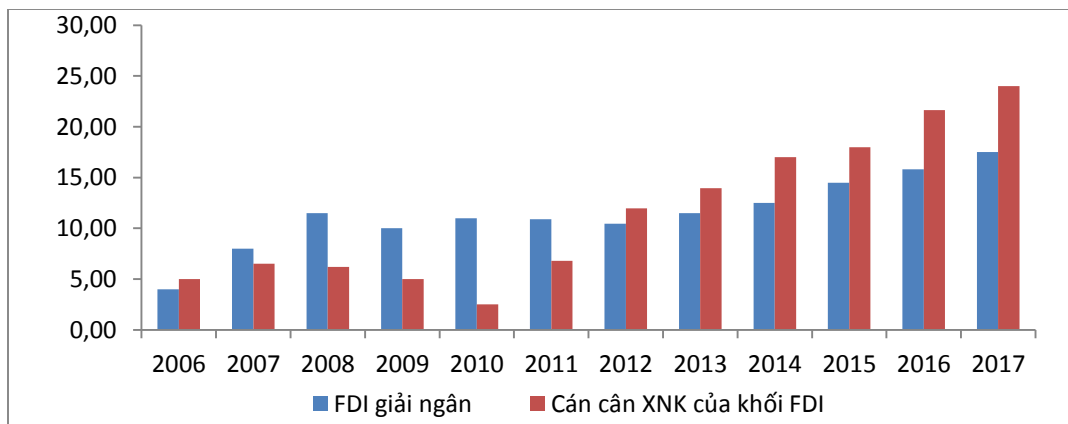
Nguồn: Tổng cục thống kê, AC Nielsen

- **Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Khu vực FDI ngày càng đóng vai trò tích cực trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây, thể hiện qua việc tạo ra việc làm lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, đóng góp lớn vào cán cân xuất nhập khẩu và góp phần ổn định tỷ giá ngoại tệ nhờ dòng thu ngoại tệ từ xuất khẩu và đầu tư mới. Trong những năm gần đây, dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam ghi nhận những số liệu đáng tích cực.

Nhờ sự ổn định của đồng nội tệ và chi phí nhân công rẻ, Việt Nam đã và đang trở thành điểm sáng thu hút FDI trong khu vực. Theo Credit Suisse, tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam đã vượt xa các nước châu Á (không tính Nhật Bản) tới 10 - 15 điểm phần trăm trong 05 năm qua. Đặc biệt, xuất khẩu thiết bị điện tử hiện nay là mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam, vượt qua các mặt hàng truyền thống như may mặc, đồ da, cà phê, gạo. Với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong giai đoạn sắp tới, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhìn chung sẽ còn tiếp tục gia tăng và đóng góp ngày càng lớn vào tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

FDI đóng góp lớn vào hoạt động XNK và tăng trưởng GDP (đơn vị: tỷ USD)

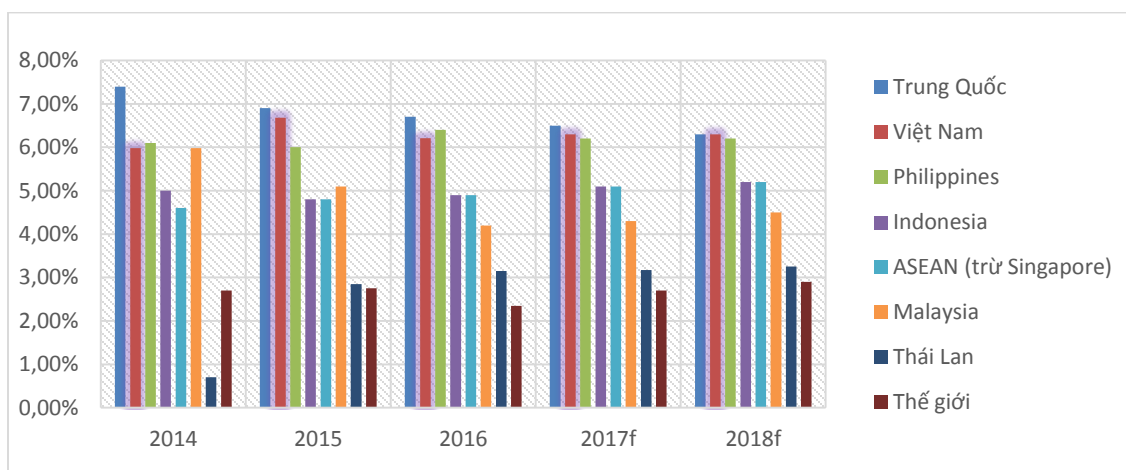


Nguồn: FIA, BVF

Mặc dù còn một số vấn đề trớ mắt như cải cách doanh nghiệp nhà nước, rủi ro trước những bất ổn trên thị trường toàn cầu khi hội nhập sâu rộng, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu... nhưng với những kết quả khả quan trong thời gian gần đây, quyết tâm cải cách của Chính phủ cùng sự phát

triển của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ ổn định và cất cánh trong giai đoạn sắp tới.

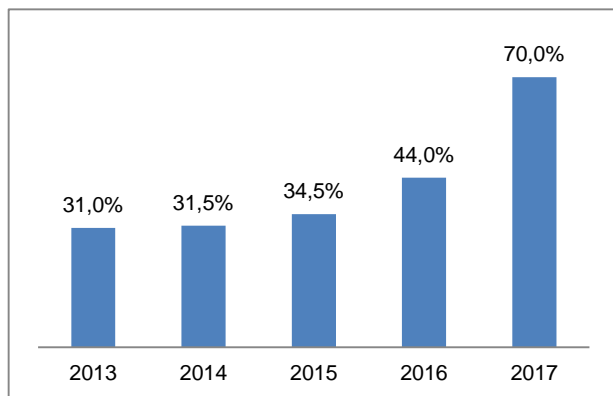
Tăng trưởng GDP của Việt Nam và các nước trên thế giới



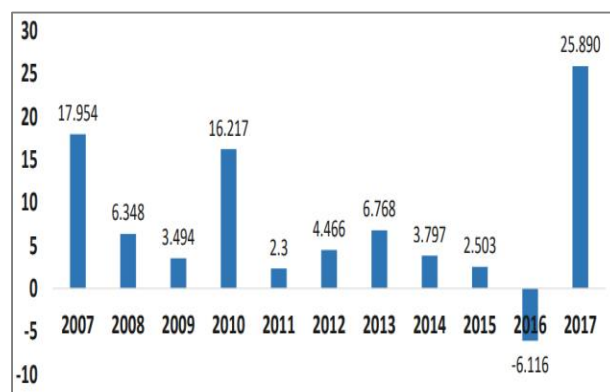
3.2 Cơ hội đầu tư thị trường cổ phiếu Việt Nam

Cùng với sự phục hồi của kinh tế vĩ mô, thị trường cổ phiếu (TTCP) Việt Nam ngày càng nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Tính đến hết quý I năm 2018, vốn hóa thị trường đã đạt 4,16 triệu tỷ đồng (183 tỷ USD), tăng 18,4% so với cuối năm 2017, tương đương 82,2% GDP – đây là mức cao nhất từ khi thành lập thị trường chứng khoán (TTCK). Bên cạnh đó, TTCK Việt Nam tiếp tục có sự tăng trưởng thần tốc tiếp nối những thành công của năm 2017. VN-Index kết thúc quý I/2018 đạt 1.174,46 tăng 19,33% so với cuối năm 2017 và đứng đầu thế giới về mức tăng trưởng. Tương tự, HNX-Index tăng 13,35% lên 132,46 điểm, UPCoM tăng 10,5%. Thanh khoản của thị trường thời gian qua cũng có sự tăng trưởng đáng kể. Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường đạt hơn 20 tỷ cổ phiếu, tăng 13% so với quý trước, tương ứng tổng giá trị giao dịch đạt 523.964 nghìn tỷ đồng, tăng 23,4%.

Giá trị vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam



Giá trị mua/bán ròng khối ngoại (nghìn tỷ)



Có 03 nhân tố chính tạo nền tảng cho triển vọng tăng trưởng của TTCP giai đoạn 2018 – 2020:

Thứ nhất, với kết quả tăng trưởng đã tạo lập trong những vừa qua, nền kinh tế Việt Nam đang chuyển

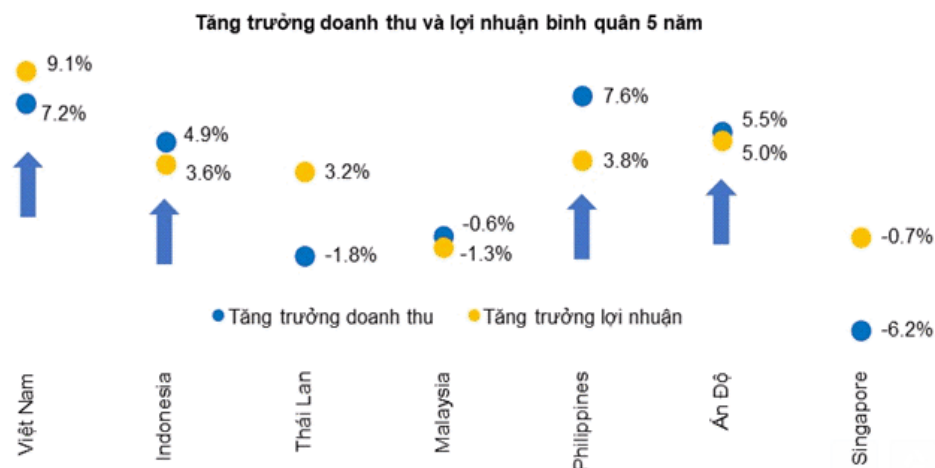
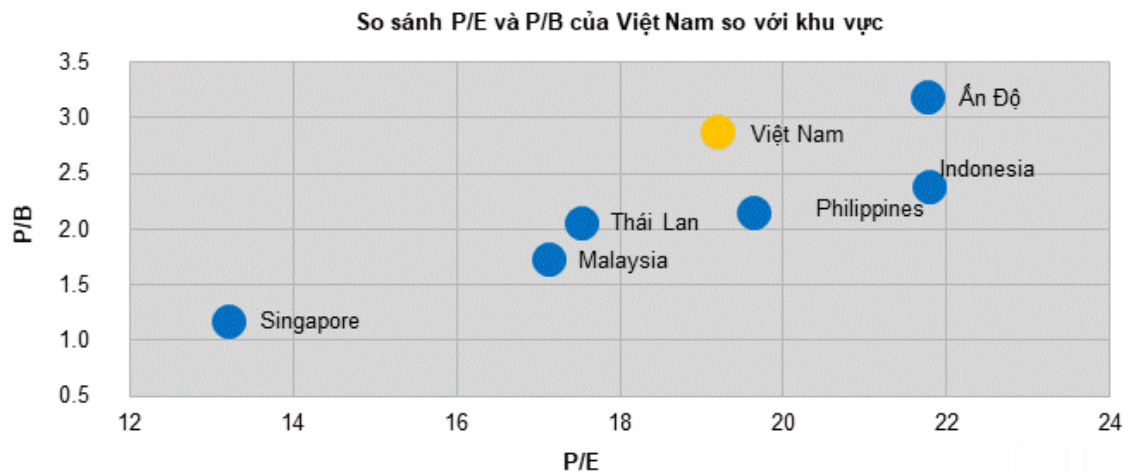
minh từ giai đoạn hồi phục sang tăng tốc bứt phá mạnh mẽ trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức cao, lạm phát được kiểm soát khá tốt, mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp, tỷ giá được điều hành chủ động. Hơn nữa, trong giai đoạn 2018 – 2020, việc Chính phủ thực hiện một chính sách tiền tệ linh hoạt theo hướng hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng là một lợi điểm quan trọng cho TTCP Việt Nam.

Thứ hai, với việc cổ phần hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, hoạt động huy động vốn qua TTCP được kỳ vọng sẽ tăng mạnh. Theo ước tính cho giai đoạn 2018 – 2020, cổ phần hóa thông qua chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) đạt 9,7 tỷ USD, hoạt động thoái vốn doanh nghiệp nhà nước đạt 16,6 tỷ USD. Hơn nữa, các ngân hàng thương mại tiếp tục có kế hoạch tăng vốn để đáp ứng nhu cầu tín dụng gia tăng, cũng như việc thực hiện Basel II nên có thể sẽ huy động thêm khoảng 3,8 tỷ USD. Hoạt động cổ phần hóa diễn ra mạnh mẽ sẽ giúp tăng quy mô thị trường chứng khoán, đa dạng số lượng hàng hóa với nhiều hàng hóa hấp dẫn hơn, giúp nâng cao thanh khoản thị trường.

	2011 – 2015	2016	2017
Tổng giá trị thoái vốn DNNN (nghìn tỷ VNĐ)	17,74	18,83	134,6
Tổng giá trị cổ phần hóa DNNN (nghìn tỷ VNĐ)	36,52	7,11	2,58
Tổng giá trị thị trường của các DNNN đã cổ phần hóa (nghìn tỷ VNĐ)	295,6	39,12	213,7
Số lượng DNNN đã cổ phần hóa	499	56	45

Nguồn: Bộ Tài chính, HOSE, HNX

Thứ ba, tính hấp dẫn của thị trường chứng khoán Việt Nam so với các nước trong khu vực. Năm 2017, hưởng lợi từ dòng vốn rẻ chảy vào thị trường cổ phiếu, TTCP toàn cầu đều tăng mạnh, trong đó Việt Nam cũng nằm trong nhóm các thị trường tăng trưởng vượt trội với tốc độ tăng trưởng trên 40%. Qua đó, nhà đầu tư kỳ vọng MSCI sẽ đưa thị trường Việt Nam vào “danh sách theo dõi”, và giai đoạn 2019 – 2020 Việt Nam có thể được chính thức nằm trong nhóm các thị trường mới nổi. Bên cạnh đó, mức P/E của thị trường cổ phiếu Việt Nam khá hấp dẫn so với các nước trong khu vực, chẳng hạn khi so sánh với thị trường Ấn Độ, Indonesia và Philippines. Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bình quân 05 năm của các doanh nghiệp Việt Nam ở mức dẫn đầu các nước trong khu vực. Nhóm các nước có mức tăng trưởng bứt phá hơn hẳn trong khu vực gồm có Việt Nam, Indonesia, Philippines (các nước Đông Nam Á).



Nguồn: BVSC tháng 7/2018

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

4.1 Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ

4.1.1 Thông tin cơ bản

- Tên công ty:	Tiếng Việt: Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt Tiếng Anh: Bao Viet Fund Management Co Ltd. Viết tắt: BVF
- Giấy phép thành lập và hoạt động	số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành ngày 08/11/2005 và các điều chỉnh bổ sung của Giấy phép này
- Trụ sở chính:	Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo,

	Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Địa chỉ VPĐD	Lầu 4, 233 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM
- Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
- Điện thoại:	(84-24) 3 928 9589
- Fax	(84-24) 3 928 9590
- Website:	http://www.baovietfund.com.vn

4.1.2 Giới thiệu về pháp nhân sở hữu Công ty Quản lý Quỹ

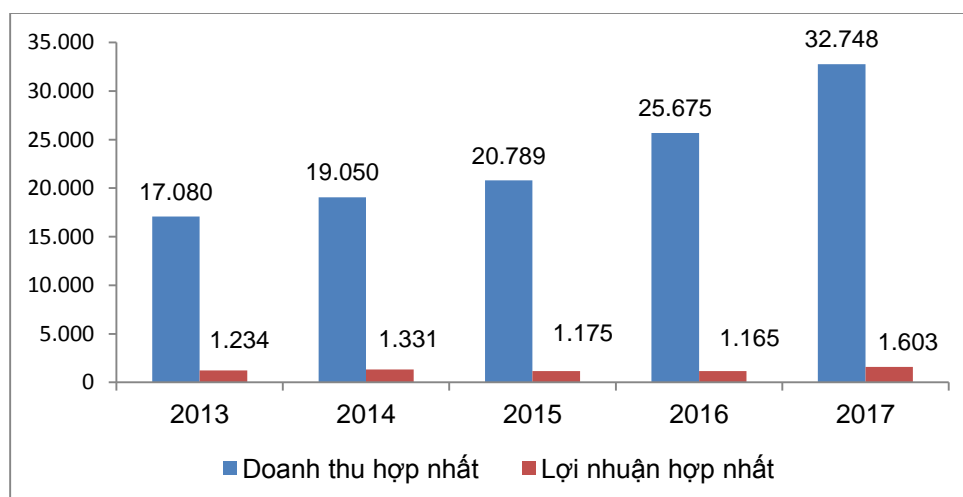
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt là đơn vị thành viên do Tập đoàn Bảo Việt (*Bảo Việt*) đầu tư 100% vốn điều lệ.

- *Vị thế khác biệt và vượt trội:*

Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm hàng đầu tại Việt Nam, Bảo Việt có lịch sử lâu đời với hơn 50 năm phát triển, thương hiệu uy tín hàng đầu thị trường, đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trên thị trường tài chính bảo hiểm với hơn 170.000 cán bộ, đại lý, tư vấn viên. Mạng lưới phân phối quy mô lớn, gồm 200 chi nhánh, hơn 700 phòng giao dịch bao phủ rộng khắp các tỉnh thành của Việt Nam. Là Tập đoàn Tài chính - Bảo hiểm kinh doanh đa dạng trong các lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhân thọ, quản lý quỹ, chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác, dẫn đầu thị trường về lĩnh vực bảo hiểm với doanh thu phí gốc bảo hiểm phi nhân thọ đạt 9.487 tỷ đồng và tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 22.149 tỷ đồng năm 2017.

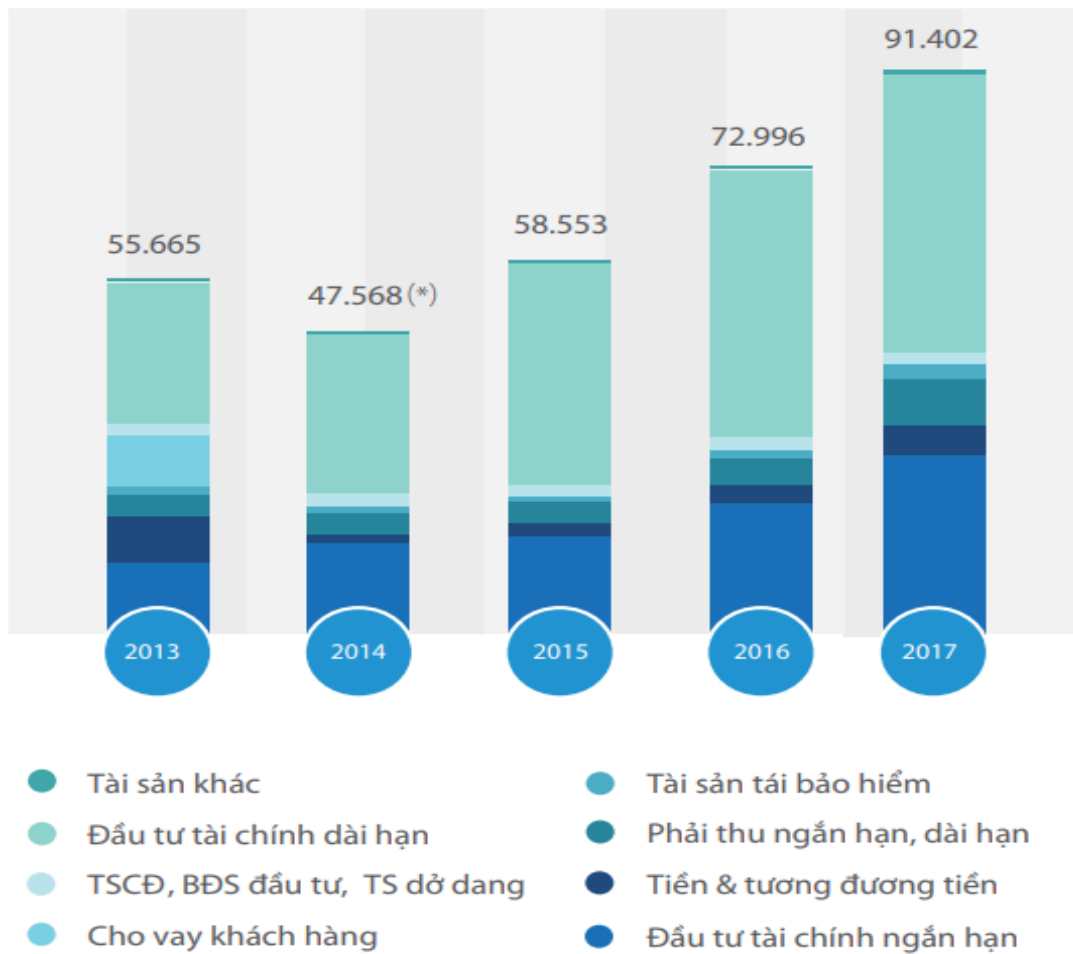
Tổng doanh thu và lợi nhuận hợp nhất giai đoạn 2013 - 2017

Đơn vị: tỷ đồng



Tài sản hợp nhất giai đoạn 2013 – 2017

Đơn vị: tỷ đồng



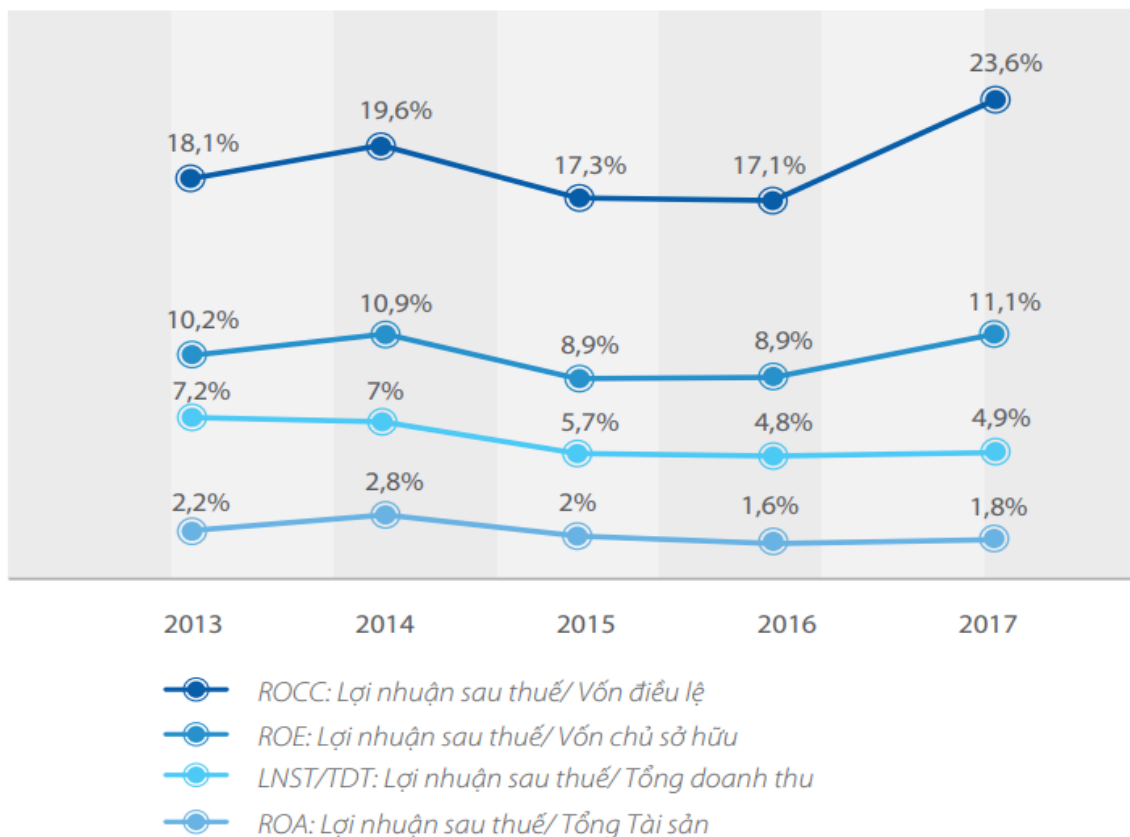
Nguồn: BVH

- *Tiềm năng tăng trưởng lớn:*

Bảo Việt đã xây dựng nền tảng tạo đà cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai và chuẩn bị sẵn sàng khai thác các cơ hội to lớn trên thị trường tài chính bảo hiểm Việt Nam. Kết quả kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả Bảo Việt đạt kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định vững chắc qua các năm trên các mảng bảo hiểm - đầu tư - dịch vụ tài chính. Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều thách thức, Bảo Việt vẫn duy trì khả năng sinh lời ở mức khả quan.

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



Nguồn: BVH

ƯU THẾ CẠNH TRANH CỦA BẢO VIỆT

- Tập đoàn bảo hiểm hàng đầu và lâu đời nhất tại Việt Nam;
- Tập đoàn bảo hiểm tài chính quy mô lớn hàng đầu tại Việt Nam;
- Thương hiệu lớn và uy tín, chiếm được lòng tin của khách hàng và được biết đến rộng rãi trên khắp cả nước;
- Tiềm lực tài chính mạnh, sở hữu quỹ đất lớn, quy mô vốn và tài sản hàng đầu trong các tập đoàn tài chính, bảo hiểm;
- Cơ sở khách hàng lớn, phân khúc khách hàng đa dạng;
- Năng lực phát triển sản phẩm hàng đầu Việt Nam, có khả năng cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói, đa dạng;
- Mạng lưới phủ khắp cả nước mà không công ty bảo hiểm nào tại Việt Nam so sánh được;

4.1.3 Giới thiệu về Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty Quản lý Quỹ

Ông Phạm Ngọc Sơn

Chủ tịch HĐTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Thu ngân sách – Học viện Tài chính.
- Cử nhân Trung cấp chính trị - Chính trị Nghệ An.
- Cử nhân Cao cấp lý luận chính trị - Học viện hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- Hơn 28 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 03/2004 đến tháng 06/2014.
- Phó Giám đốc khối Phát triển kinh doanh, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 06/2014 đến tháng 01/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ kiêm Giám đốc Công ty Bảo Việt Nhân thọ Nghệ An từ tháng 01/2015 đến tháng 09/2015.
- Phó Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 10/2015 đến tháng 09/2016.
- Tổng Giám đốc, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ từ tháng 09/2016 đến nay.

Ông Nguyễn Xuân Việt

Thành viên HĐTV

❖ **Trình độ chuyên môn:**

- Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy – Đại học Bách khoa Hà Nội
- Cử nhân Quản trị kinh doanh thương mại – văn bằng 2 – Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- Chứng chỉ Học viên sĩ quan dự bị – Trường Sĩ quan Chỉ huy Kỹ thuật Phòng Không.

❖ **Kinh nghiệm làm việc:**

- 23 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm.
- Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng

5/2015 đến tháng 01/2018.

- Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2018.
- Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt từ tháng 08/2018 đến nay.

Ông Nguyễn Đình An

Thành viên HĐQTV

❖ Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế Tài chính – Đại học Staffordshire, Anh Quốc
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Chứng chỉ LOMA – Bảo hiểm nhân thọ

❖ Kinh nghiệm làm việc

- Hơn 12 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính.
- Trưởng Ban Thư ký Tổng hợp, Tập đoàn Bảo Việt từ 11/2016 đến 01/2017.
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 1/2017 tới nay.
- Quyền Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 2/2017 tới tháng 7/2018.
- Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt từ tháng 7/2018 tới nay.

4.1.4 Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Nguyễn Đình An

Xem thông tin tại phần trên

Tổng Giám đốc

4.2 Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ

4.2.1 Tổng quan về Công ty Quản lý Quỹ

Được thành lập từ tháng 11/2005 với số vốn điều lệ hiện tại là 100 tỷ đồng, Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư, lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho nhiều công ty bảo hiểm lớn và các tổ chức có nhu cầu đầu tư tài chính trên thị trường. Hoạt động đầu tư của Công ty luôn hướng tới các chuẩn mực an toàn, hiệu quả và tăng trưởng bền vững. Do đó, tổng tài sản quản lý của công ty có mức tăng bình quân là trên 8%/năm. Kể từ khi được thành lập đến nay, Công ty luôn là một trong hai công ty quản lý quỹ của

Việt Nam có giá trị tài sản quản lý dẫn đầu thị trường. Tại thời điểm 31/12/2017, tổng tài sản quản lý của Công ty đạt xấp xỉ 44.488 tỷ đồng.

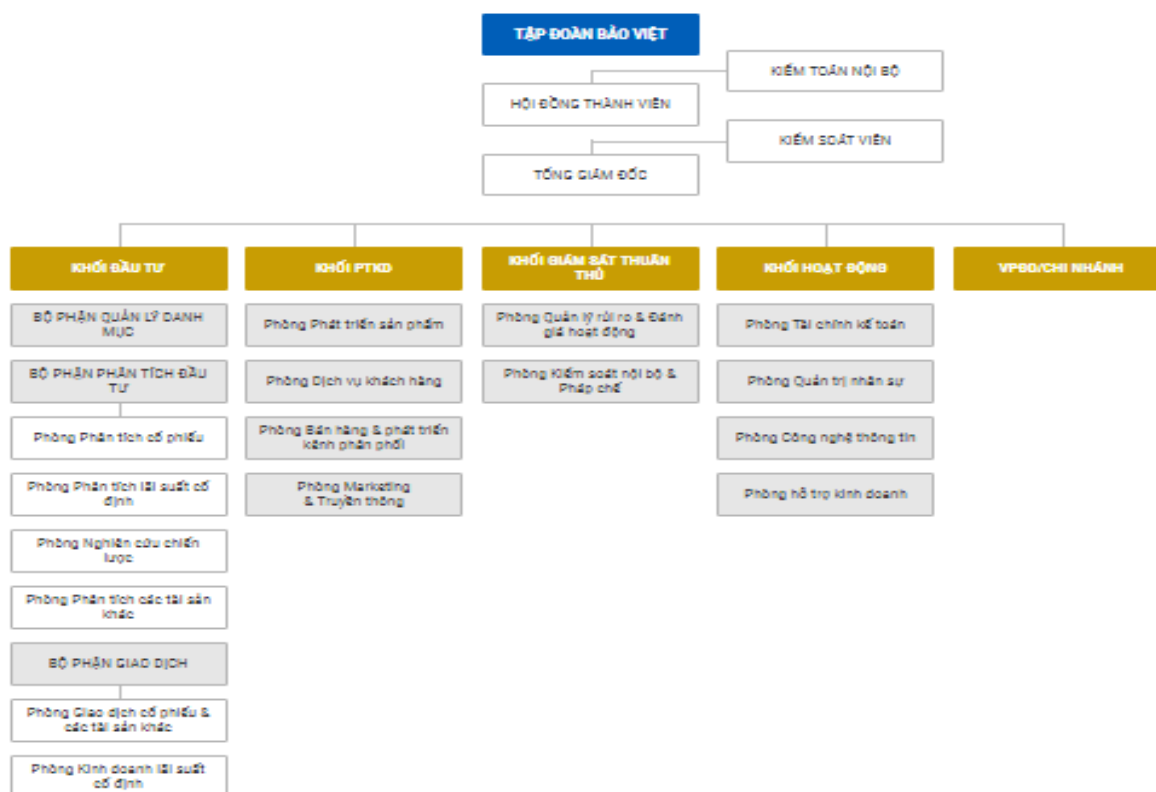
Hiện tại Công ty đang quản lý 06 danh mục đầu tư cho các nhà đầu tư tổ chức lớn trên thị trường và 03 quỹ mở, 01 quỹ thành viên, trong đó quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED) là quỹ mở đầu tiên trên thị trường triển khai hình thức nhận lệnh điện tử, tạo sự thuận lợi tối đa cho khách hàng khi tham gia đầu tư.

BAO VIET FUND

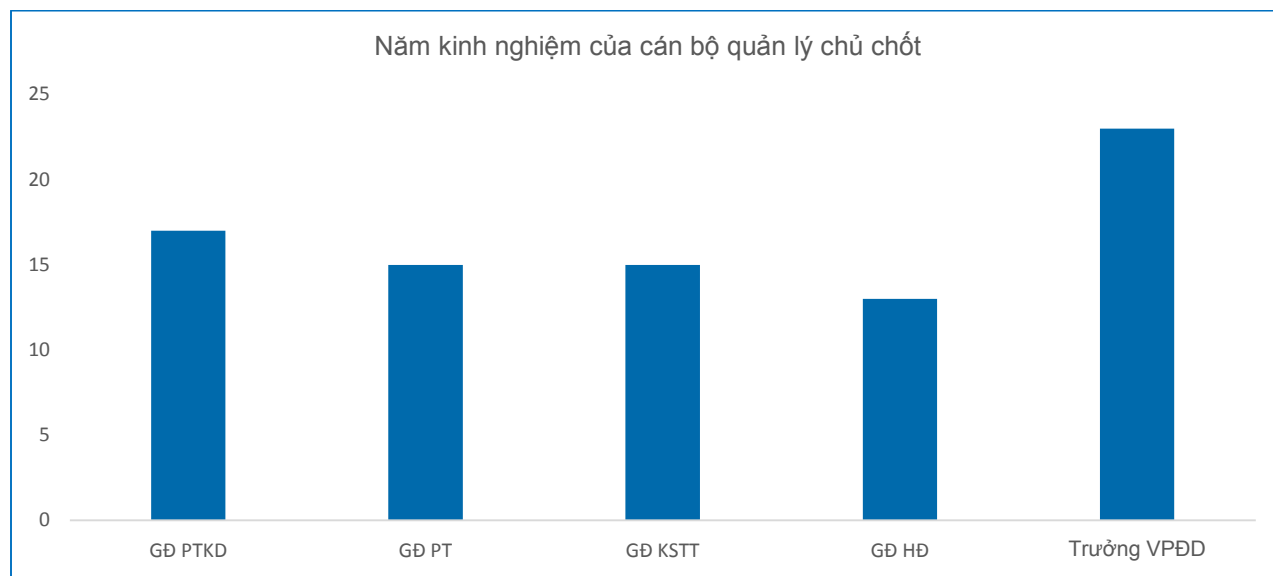
- Là một trong 3 trụ cột của Tập đoàn Bảo Việt, thực hiện các hoạt động đầu tư từ nguồn dự phòng phí bảo hiểm cho các đơn vị thành viên.
- Là một nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp và chủ động trên thị trường, đặc biệt với hoạt động đầu tư trái phiếu (quy mô giao dịch hàng năm đạt 25.000 – 30.000 tỷ đồng)
- Có quan hệ hợp tác chặt chẽ, lâu dài với nhiều đối tác lớn trong và ngoài nước.
- Mô hình quản trị hiện đại, chuyên nghiệp theo các chuẩn mực quốc tế.
- Các quy định, quy trình cho mọi hoạt động đã được xây dựng đầy đủ, phù hợp yêu cầu và thực tế của thị trường Việt Nam.
- Nhân sự chất lượng cao, nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường.
- Nền tảng công nghệ thông tin hiện đại.

So với các công ty quản lý quỹ đang hoạt động trên thị trường Việt Nam, Công ty có các ưu điểm đã được khẳng định như sau:

- *Mô hình quản trị doanh nghiệp hiện đại, theo chuẩn quốc tế, hướng tới khách hàng:*



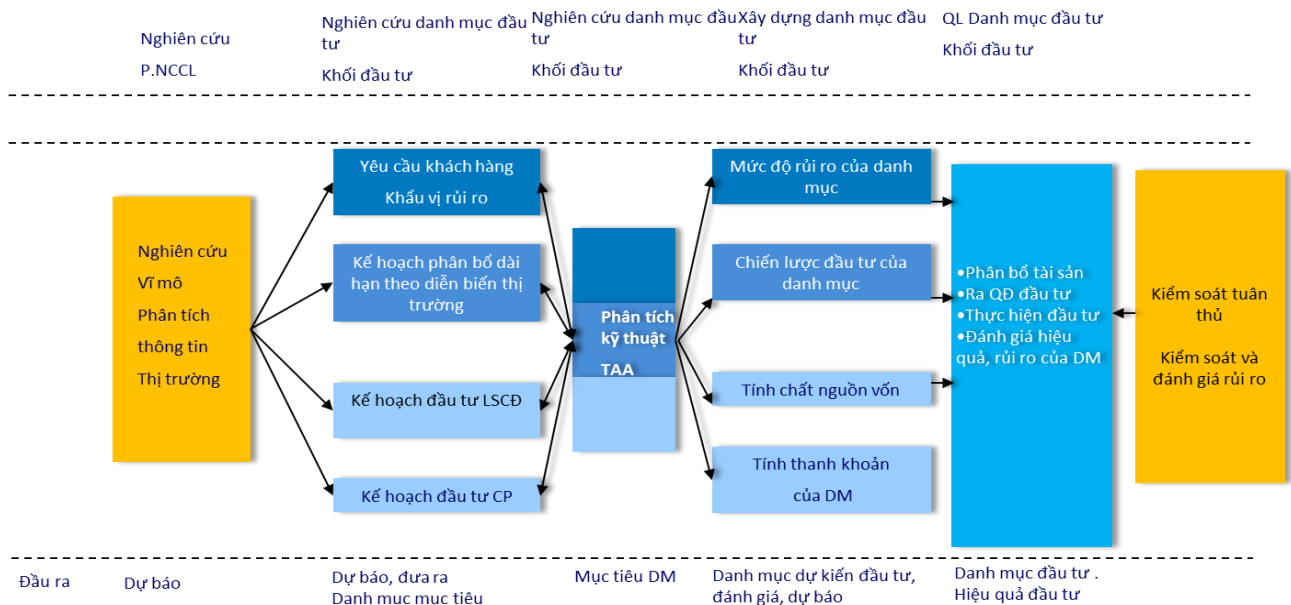
- *Nhân sự chất lượng cao, đội ngũ chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm:*



- Số năm kinh nghiệm bình quân của cán bộ là trên 10 năm.
- Hơn 55% cán bộ là thạc sỹ các chuyên ngành liên quan.
- 13% cán bộ đạt chứng chỉ CFA.

- *Hoạt động đầu tư được vận hành hiệu quả:*

- Điều hành danh mục do các cán bộ có kinh nghiệm, kỹ năng tốt và am hiểu thị trường.
- Hạn mức, mục tiêu và tiêu chí đầu tư được thiết lập rõ ràng trên cơ sở thống nhất với khách hàng nên các kỷ luật đầu tư được thực hiện nghiêm túc.
- Các quy định, quy trình, hướng dẫn đầu tư được thiết lập đầy đủ. Cán bộ quản lý các danh mục luôn được hỗ trợ đầy đủ bởi các báo cáo, thông tin cung cấp từ bộ phận phân tích, giao dịch để đảm bảo công tác điều hành danh mục được thực hiện một cách có hiệu quả.
- Các mô hình áp dụng cho công tác phân tích, định giá, xếp hạng tín nhiệm, hỗ trợ công tác ra các quyết định đầu tư được xây dựng đầy đủ.
- Kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ thực hiện việc kiểm soát trước, trong và sau giao dịch, đảm bảo tuân thủ các quy định và hạn chế đầu tư. Công tác đánh giá hiệu quả đầu tư được thực hiện độc lập với Khối Đầu tư theo các tiêu chuẩn, tiêu chí, mẫu biểu thống nhất với khách hàng.



4.2.2 Kết quả kinh doanh của Công ty Quản lý Quỹ trong 5 năm gần đây:

Với những nền tảng được xây dựng vững chắc, nên trước điều kiện thị trường còn nhiều biến động và những khó khăn chung của ngành quản lý quỹ, Công ty vẫn đạt được kết quả kinh doanh ổn định và khả quan, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản quản lý của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 là 44.488 tỷ đồng và là một trong hai công ty quản lý quỹ có tổng tài sản quản lý lớn nhất thị trường
- TSLNST/VĐL trong giai đoạn 5 năm trung bình đạt 28%.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	42,2	46,1	54,1	80,5	100,5
Doanh thu từ hoạt động tài chính	6,4	5,5	4,9	7,6	6
Lợi nhuận trước thuế	16,5	15,4	18,9	31,0	39,5
Lợi nhuận sau thuế	13,2	12,4	15,1	24,8	31,6

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động của Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai

4.3 Quỹ đầu tư do Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý

- **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt (BVFED)**

Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Năng động Bảo Việt được thành lập vào tháng 01/2014, là quỹ mở đầu tiên trên thị trường lựa chọn chiến lược đầu tư chủ động. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động theo đó tỷ trọng của các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ được điều chỉnh linh hoạt để nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư trên thị trường cổ phiếu và thị trường lãi suất cố định căn cứ vào sự vận động tương đối giữa hai thị trường, đặc biệt trong khoảng thời gian trung – dài hạn. Quỹ BVFED cũng là quỹ mở đầu tiên trên thị trường áp dụng hình thức giao dịch điện tử, tạo sự thuận tiện tối đa cho nhà đầu tư khi tham gia giao dịch.

- **Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt (BVIF)**

Quỹ Đầu tư Giá trị Bảo Việt được thành lập vào tháng 10/2015 dưới dạng quỹ thành viên với mức vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng. Hiện tại, Quỹ BVIF là một trong những quỹ thành viên có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường Việt Nam. Quỹ BVIF ra đời với mục đích đón đầu xu hướng M&A, hoạt động cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp Nhà nước, nắm bắt cơ hội từ luồng vốn đầu tư mới do hiệu ứng từ quy định nói “room” và đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) thành công. Chiến lược đầu tư của BVIF là tham gia các đợt IPO cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mua/bán tái cấu trúc doanh nghiệp, các đợt thoái vốn ngoài ngành... với định hướng trở thành cổ đông lớn để có thể cùng tham gia vào hoạt động quản trị của doanh nghiệp và tạo ra các giá trị gia tăng. Bên cạnh việc đầu tư vào các doanh nghiệp, BVIF sẽ đầu tư linh hoạt vào các tài sản khác tùy theo điều kiện thị trường nhằm tăng hiệu quả cho Quỹ, tối đa hóa lợi nhuận cho các thành viên tham gia góp vốn.

- **Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Việt (BVBF)**

Quỹ Đầu tư Trái Phiếu Bảo Việt được thành lập vào tháng 04/2016 dưới dạng quỹ mở, tập trung đầu tư vào các loại tài sản có độ an toàn cao như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu doanh nghiệp có độ tín nhiệm cao, tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ và các tài sản đầu tư lãi suất cố định khác. Nhà đầu tư mục tiêu của Quỹ BVBF là các nhà đầu tư có mức độ chấp nhận rủi ro thấp, có xu hướng tìm kiếm một kênh đầu tư an toàn, ổn định. Quỹ BVBF là sản phẩm quỹ mở thứ hai của BVF và nằm trong kế hoạch phát triển chuỗi sản phẩm quỹ đầu tư công chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư trên thị trường.

- **Quỹ Đầu tư Cổ Phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF)**

(Chi tiết theo Bản Cáo bạch này)

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Giấy phép hoạt động: Số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi

lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Giấy phép hoạt động lưu ký: Số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
- Trụ sở đăng ký: 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 9411840
- Fax: (84-24) 3 9411847

VI. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

- Tên tổ chức: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
- Giấy phép thành lập: Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ
- Trụ sở đăng ký: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 9747113
- Fax: (84-24) 3 9747120
- Hoạt động ủy quyền: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

Lưu ý: Nhà đầu tư có quyền mở tài khoản và giao dịch Chứng chỉ quỹ tại nhiều Đại lý phân phối được công bố tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư cần lưu ý tài khoản giao dịch tại các Đại lý phân phối khác nhau là độc lập nhau.

VIII. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán theo các điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch này cho Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) xem xét và lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

9.1 Thông tin chung về Quỹ

9.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

- Tên Quỹ đầu tư : **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt.**
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Tên giao dịch:
 - o Bằng tiếng Việt **Quỹ Đầu tư Cổ phiếu triển vọng Bảo Việt**
 - o Bằng tiếng Anh **Bao Viet Prospect Equity Open-Ended Fund**
 - o Tên viết tắt **BVPF**
- Địa chỉ liên hệ: **Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt, Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.**

9.1.2 Giấy đăng ký phát hành

Số 23/GCN-UBCK ngày 11 tháng 11 năm 2016

9.1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 24/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2016

9.1.4 Ban đại diện Quỹ:

- | | |
|--|---|
| Ông Đỗ Anh Đức
Chủ tịch Ban Đại diện | <ul style="list-style-type: none">❖ Trình độ chuyên môn:<ul style="list-style-type: none">• Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân• Cử nhân Kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế Quốc dân.• Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội.❖ Kinh nghiệm làm việc:<ul style="list-style-type: none">• Được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực luật, có nhiều kinh nghiệm về luật kinh tế, đầu tư, chứng khoán.• Giám đốc Ban đầu tư – Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam từ năm 2005 đến nay. |
|--|---|

Ông Đinh Văn Thắng

Thành viên Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kiểm toán – Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Chứng chỉ kiểm toán CPA
- Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán – Bộ Tài chính

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán
- Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam từ tháng 01/2012 đến nay.

Bà Đặng Phương Chi

Thành viên Ban Đại diện

❖ Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính - Đại học London Metropolitan, Vương quốc Anh.
- Hoàn thành kỳ thi chứng chỉ CFA bậc II

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 9 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, tài chính.
- Đang công tác tại Phòng Đầu tư – Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ.

9.1.5 Người điều hành Quý:**Bà Nguyễn Minh Thanh****❖ Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ tài chính - Đại học Orléans, Pháp
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Orléans, Pháp

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- Hơn 09 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phân tích, đầu tư tài chính
- Chuyên viên Phân tích cổ phiếu từ tháng 01/2008 đến tháng 10/2011.
- Phó phòng Phân tích cổ phiếu từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012.
- Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu từ tháng 10/2012 đến tháng 07/2017.

- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 8/2017 đến nay.

Ông Nguyễn Đức Lương

❖ Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
- Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản – UBCKNN.

❖ Kinh nghiệm làm việc:

- 08 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư, trong đó có hơn 03 năm kinh nghiệm quản lý danh mục đầu tư của quỹ đầu tư.
- Chuyên viên đầu tư quỹ Asiavantage Global Limited từ tháng 10/2009 đến tháng 09/2014.
- Chuyên viên thẩm định và đầu tư dự án, Ban Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 02/2015 đến tháng 08/2015.
- Giám đốc Quản lý danh mục, Khối Đầu tư, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, từ tháng 9/2015 đến nay.

9.2 Mục tiêu, chiến lược và hạn chế đầu tư của Quỹ

9.2.1 Mục tiêu đầu tư:

Quỹ hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam.

9.2.2 Chiến lược đầu tư

- Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (*active*), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (*HSX, HNX, UpCom*) dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (*fundamental analysis - FA*). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.
- Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (*growth stocks*) và cổ phiếu giá trị (*value stocks*), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*), các cổ phiếu sẽ được ưu

tiên mua và nắm giữ (*buy and hold*) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

- Tài sản đầu tư của Quỹ bao gồm:
 - a. Tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại theo quy định pháp luật ngân hàng;
 - b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - c. Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
 - e. Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
 - f. Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
 - g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	<i>Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.</i>
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	

(*) *Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ*

- Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định của pháp luật.

9.2.3 Hạn chế đầu tư

- Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 2 Điều 9 Điều lệ Quỹ phải đáp ứng các

điều kiện sau:

- a) Có quy định tại điều lệ quỹ và bản cáo bạch;
 - b) Đã được ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - c) Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch
- Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm chứng khoán của ít nhất 06 (sáu) tổ chức phát hành, đồng thời phải đảm bảo các hạn chế đầu tư dưới đây:
- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ;
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan;
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (*trừ trái phiếu Chính phủ*), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% (*bốn mươi phần trăm*) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- Trừ trường hợp quy định tại Điểm g, h, i Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;

- b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 10, Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.
 - Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
 - Các hạn chế đầu tư được quy định nêu trên sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

9.3 Rủi ro khi đầu tư vào Quỹ:

Loại rủi ro	Mô tả
Rủi ro về danh tiếng:	Là những vấn đề liên quan đến nhận thức khác nhau của các bên liên quan (<i>khách hàng, đơn vị cung cấp</i>) trong các hạng mục cụ thể (<i>như chất lượng sản phẩm, hiệu quả đầu tư, dịch vụ khách hàng v...v...</i>). Rủi ro danh tiếng có nguy cơ dẫn đến những dư luận tiêu cực, chi phí tranh chấp, kiện tụng, làm ảnh hưởng đến lượng khách hàng hiện có từ đó làm giảm trực tiếp hoặc gián tiếp doanh thu của công ty.
Rủi ro thị trường:	Giá cổ phiếu có thể biến động lên xuống do nhiều lý do khác nhau như biến động chung của toàn nền kinh tế, chính trị xã hội, ... Nhiều biến động ảnh hưởng tới toàn bộ thị trường. Tuy nhiên có những biến động chỉ hạn chế trong những ngành, nhóm ngành hoặc công ty cụ thể. Lịch sử đã chứng minh rằng dù đem lại lợi nhuận dài hạn cao hơn các loại chứng khoán khác, đôi lúc giá cổ phiếu có thể giảm đáng kể trong dài hạn.
Rủi ro lạm phát	Tỷ lệ lạm phát tăng cao làm giá trị đồng tiền suy giảm, qua đó tác động tiêu cực tới danh mục của Quỹ. Bằng các chiến lược đầu tư

	linh hoạt phù hợp với những biến động của thị trường, lợi suất tạo ra của Quỹ luôn cao hơn hẳn tỷ lệ lạm phát.
Rủi ro lãi suất:	Nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp sẽ bị tác động trực tiếp khi lãi suất tăng. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nhiều khả năng tăng giá bán để bù đắp chi phí tài chính. Giá cổ phiếu sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực do những nguyên nhân này. Rủi ro lãi suất cũng phát sinh đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ... khi lãi suất tăng làm giảm giá trị của khoản đầu tư.
Rủi ro trong việc đáp ứng thanh khoản:	Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi BVF gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản của các loại tài sản trên thị trường khi có yêu cầu của nhà đầu tư. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ luôn ưu tiên lựa chọn các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao và giữ một phần tỷ lệ tiềm mặt thích hợp.
Rủi ro rút vốn	Rủi ro rút vốn xảy ra trong trường hợp lượng tiền mặt nhà đầu tư rút ra khỏi Quỹ lớn hơn so với quy định pháp luật về tỷ lệ rút vốn tối đa và so với quy mô thanh khoản thị trường. Điều này có ảnh hưởng tiêu cực đến giá trị tài sản đầu tư của Quỹ và giá trị thực tế nhà đầu tư nhận được. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp bất khả kháng.
Rủi ro về hoạt động:	Rủi ro phát sinh liên quan đến con người, hệ thống hoặc từ những sự kiện bên ngoài. Đặc biệt trong trường hợp công ty đóng vai trò quản trị quỹ, các rủi ro hoạt động liên quan đến hệ thống định giá trái phiếu, tính toán NAV, sẽ có tác động rất lớn liên quan đến danh tiếng và có khả năng gây thiệt hại về tài chính tới công ty.
Rủi ro pháp lý:	Rủi ro pháp lý là xảy ra cho Quỹ trong quá trình chấp hành pháp luật do thay đổi quy định, không tuân thủ đúng quy định hoặc khi phát sinh tranh chấp, kiện cáo, từ các bên liên quan trong quá trình vận hành của Quỹ.
Rủi ro xung đột lợi ích:	Rủi ro phát sinh khi có xung đột nhất định về lợi ích giữa danh mục tự doanh của BVF và các quỹ đầu tư, danh mục ủy thác, giữa lợi ích của cá nhân cán bộ thực hiện đầu tư và các danh mục đang quản lý trong việc tìm kiếm lợi nhuận.

9.4 Điều lệ Quỹ

Điều lệ Quỹ được tóm tắt tại Phụ lục 1 của Bản Cáo bạch này. Để có thông tin đầy đủ, Nhà đầu tư cần tham khảo Điều lệ Quỹ chi tiết. Trong trường hợp có sự khác biệt về nội dung giữa Bản Cáo bạch và Điều lệ Quỹ thì sẽ vận dụng nội dung tại Điều lệ Quỹ.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

10.1 Căn cứ pháp lý:

- Luật số 68/2014/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XIII, kỳ họp thứ 8 về Luật Doanh nghiệp;
- Luật số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XI, kỳ họp thứ 9 về Luật chứng khoán;
- Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Khóa XII, kỳ họp thứ 8 về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Thông tư số 183/2011/TT – BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT – BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016
- Thông tư số 212/2012/TT – BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ;
- Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan;

10.2. Phương án phát hành lần đầu:

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Triển vọng Bảo Việt (BVPF)
Loại hình	Quỹ mở
Thời hạn của Quỹ	Không giới hạn
Mục tiêu đầu tư	Quỹ hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam.
Kiểm soát rủi ro đầu tư	Ngân hàng Giám sát và bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ căn cứ vào chiến lược đầu tư và hạn chế đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ và Bản

	Cáo bạch						
Cơ cấu đầu tư mục tiêu:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tài sản</th> <th>Tỷ trọng (*)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cổ phiếu</td> <td>51% - 100%</td> </tr> <tr> <td>Các tài sản được phép đầu tư khác</td> <td>0% - 49%</td> </tr> </tbody> </table>	Tài sản	Tỷ trọng (*)	Cổ phiếu	51% - 100%	Các tài sản được phép đầu tư khác	0% - 49%
	Tài sản	Tỷ trọng (*)					
	Cổ phiếu	51% - 100%					
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% - 49%						
<i>(*) Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ</i>							
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đơn vị quỹ						
Thời hạn đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ	<p>Tối đa 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực.</p> <p>Công ty Quản lý Quỹ có thể kết thúc đợt phát hành lần đầu sớm hơn khoảng thời gian nêu trên nếu các điều kiện sau đây được thỏa mãn đồng thời:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng giá trị đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ không thấp hơn 50 tỷ đồng; Thời hạn đăng ký mua không ít hơn 20 ngày kể từ ngày đăng ký mua đầu tiên; Có tối thiểu 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chuyên nghiệp đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ; 						
Mệnh giá	10.000 đồng						
Phí phát hành	Không tính phí						
Giá phát hành	10.000 đồng						
Đơn vị tiền tệ	Đồng						
Giá trị mua tối thiểu	1.000.000 đồng tương đương 100 Chứng chỉ Quỹ						
Phương thức đăng ký mua	Chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch						
Phương thức phân bổ Chứng chỉ Quỹ lần đầu:	Số lượng Chứng chỉ Quỹ phân bổ cho Nhà đầu tư = Tổng số tiền đặt mua hợp lệ / Giá phát hành						
Thời hạn xác nhận giao dịch của Nhà đầu tư	Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.						

Ngày giao dịch đầu tiên	Trong tháng kế tiếp tháng UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ
Trường hợp phát hành Chứng chỉ Quỹ không thành công	Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật, báo cáo UBCKNN đồng thời chịu mọi phí tổn, nghĩa vụ tài chính phát sinh từ việc huy động vốn và hoàn trả cho Nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp, bao gồm cả lãi suất (nếu có), khi xảy ra một trong các trường hợp dưới đây: a. Có ít hơn 100 Nhà đầu tư, không kể Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, mua Chứng chỉ Quỹ; b. Tổng giá trị vốn huy động được thấp hơn 50 tỷ đồng;
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.
Các đối tác khác có liên quan đến đợt phát hành	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành; - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

10.3. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ các lần tiếp theo:

10.3.1. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường:

Ngày giao dịch	Định kỳ ngày thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần, không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T). <i>Lưu ý: Trường hợp ngày T là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, kỳ giao dịch đó sẽ bị hủy. Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ kế tiếp.</i>	
Giá phát hành/bán	NAV/CCQ tại ngày giao dịch + Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ	
Giá mua lại	NAV/CCQ tại ngày giao dịch - Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ	
Phí phát hành	Số tiền đăng ký mua hợp lệ	Mức phí
	Nhỏ hơn 02 tỷ đồng	0,50%
	Từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng	0,30%
	Từ 05 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng	0,20%

	Từ 20 tỷ đồng trở lên	0,15%
	Trường hợp Nhà đầu tư có giao dịch mua Chứng chỉ quỹ trong vòng một năm gần nhất kể từ Ngày giao dịch hiện tại (<i>đang đặt lệnh mua</i>), phí phát hành Chứng chỉ Quỹ sẽ được tính bằng 90% phí phát hành theo quy mô tương ứng như trên.	
Phí mua lại	Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ	Mức phí
	Nhỏ hơn 06 tháng	0,50%
	Từ 06 tháng trở lên	Không tính phí
	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.	
Phí chuyển đổi	Thời gian nắm giữ Chứng chỉ Quỹ	Mức phí
	Nhỏ hơn 06 tháng	0,10%
	Từ 06 tháng trở lên	Không tính phí
	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.	
Giá trị đăng ký giao dịch mua tối thiểu	1.000.000 đồng	
Số lượng đăng ký giao dịch bán hoặc chuyển đổi tối thiểu	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán hoặc chuyển đổi tối thiểu là năm (05) Chứng chỉ Quỹ.	
Số lượng CCQ tối thiểu còn lại tại tài khoản	Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.	
Thời gian đóng sổ lệnh	14h45 (<i>mười bốn giờ bốn mươi lăm phút</i>) ngày T – 1. Trường hợp ngày T – 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang 14h45 của ngày làm việc gần nhất trước đó.	

Thời điểm công bố NAV	Trong vòng T + 3
Thời hạn xác nhận giao dịch	Trong vòng T + 3
Thời hạn thanh toán cho Nhà đầu tư	Trong vòng T + 5
Phương thức đặt lệnh	Chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch
Hủy lệnh giao dịch	<p>Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh. Ngoài ra, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh trong các trường hợp:</p> <ol style="list-style-type: none"> Lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh Tiền mua Chứng chỉ Quỹ chưa có tại tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát trong ngày T – 1 (<i>giao dịch qua Đại lý phân phối</i>); Tiền mua Chứng chỉ Quỹ được chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ không theo quy định tại Điều lệ Quỹ; Tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được thấp hơn giá trị đã đăng ký tại lệnh mua và Đại lý phân phối không thực hiện các thủ tục điều chỉnh trước thời gian quy định của Đại lý chuyển nhượng; Đại lý phân phối không nhập lệnh vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng theo đúng quy định của Đại lý chuyển nhượng. Trong trường hợp này, Đại lý phân phối có trách nhiệm thống nhất với Nhà đầu tư về phương án xử lý.
Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch	Theo quy định tại Điều 18, Điều lệ Quỹ
Đóng tài khoản giao dịch	<p>Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ; Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm; Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;
Đại lý phân phối	Danh sách Đại lý phân phối và các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

10.3.2. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Nhà đầu tư có thể đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP) theo đó, Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ. Phương thức đặt lệnh được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục 2 của Bản Cáo bạch;
- Nội dung Chương trình đầu tư định kỳ cụ thể như sau:

Thời gian đăng ký	01 năm	02 năm	Trên 02 năm
Kỳ đóng tiền	Tháng	Tháng hoặc Quý	Tháng hoặc Quý
Số tiền tối thiểu	100.000 đồng/tháng	<ul style="list-style-type: none"> - 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý 	<ul style="list-style-type: none"> - 100.000 đồng/tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng - 300.000 đồng/quý nếu lựa chọn đóng tiền theo quý
Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất (ngày Quỹ nhận được tiền mua từ Nhà đầu tư)	Ngày 15 hàng tháng	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý; 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày 15 hàng tháng nếu lựa chọn đóng tiền theo tháng; - Ngày 15 các tháng Hai, Năm, Tám, Mười Một nếu lựa chọn đóng tiền theo quý;
Phí giao dịch mua	Bằng 80% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 70% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng	Bằng 60% phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường với quy mô tương ứng
Chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ	<p>Chương trình đầu tư định kỳ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia; - Kết thúc thời gian đăng ký; - Nhà đầu tư không nộp tiền đúng cam kết về thời gian và/hoặc giá trị từ ba (03) lần trở lên trong thời gian đăng ký; <p>Trường hợp Chương trình đầu tư định kỳ bị chấm dứt trước khi kết thúc thời gian đăng ký, khi bán Chứng chỉ Quỹ mua theo Chương trình đầu tư định</p>		

	<p>kỳ, Phí mua lại sẽ tự động tăng thêm đúng bằng phần phí giao dịch được giảm khi mua Chứng chỉ Quỹ.</p> <p><i>Ví dụ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ trong thời hạn 01 năm với số tiền định kỳ là 100.000 đồng/tháng. - Phí giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ là $0,3\% \times 80\% = 0,24\%$, như vậy phần phí giao dịch được giảm 0,06%. - Giả định Nhà đầu tư chấm dứt Chương trình đầu tư định kỳ trước thời hạn và bán Chứng chỉ quỹ đã mua, Phí mua lại sẽ tự động tăng thêm là 0,06%.
--	---

- Việc bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được thực hiện tương tự quy định đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường.

10.3.3. Chuyển nhượng phi thương mại

- Việc chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan;
- Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật;
- Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự đối với trường hợp Giao dịch Chứng chỉ Quỹ thông thường

10.4. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng:

10.4.1. Xác định giá trị tài sản ròng:

- Ngày định giá (*ngày xác định giá trị tài sản ròng*) là Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Điểm 10.3.1 của Bản Cáo bạch này.
- Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan điều chỉnh kịp thời trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày định giá, sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố cho Nhà đầu tư trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ được quy định tại Phụ lục 4 của Bản Cáo bạch này.

10.4.2. Công bố giá trị tài sản ròng:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố tại trang điện tử của Công ty Quản lý Quỹ và các Đại lý phân phối theo quy định tại Phụ lục 3 của Bản Cáo bạch này.

XI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN , CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ THUẾ

11.1 Phân chia lợi nhuận

- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
- Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - o Phương pháp phân chia lợi nhuận (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - o Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - o Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - o Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - o Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

11.2 Chi phí hoạt động

11.2.1 Phí quản lý Quỹ

Phí quản lý Quỹ được thanh toán cho Công ty Quản lý quỹ để thực hiện hoạt động quản lý đầu tư cho Quỹ và được quy định như sau:

- Phí quản lý là Một phẩy năm phần trăm giá trị tài sản ròng của Quỹ trong một năm ($1,5\%/NAV/năm$);
- Phí quản lý được tính toán tại các chu kỳ định giá theo công thức:

$$\text{Phí quản lý} = \frac{\text{Tỷ lệ Phí Quản lý Quỹ (\%)} \times \text{NAV tại cuối Chu kỳ định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong Chu kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365/366)}}$$

11.2.2 Phí lưu ký, giám sát

Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát theo Hợp đồng lưu ký giám sát giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được chi tiết theo Phụ lục 5.

11.2.3 Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan

Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (*dịch vụ Đại lý chuyển nhượng*) theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công ty Quản lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan được chi tiết theo Phụ lục 5.

11.2.4 Chi phí khác

- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán;
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ;
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ;
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Các chi phí khác theo quy định của pháp luật;

11.3 Thuế

- Chính sách thuế áp dụng cho Quỹ tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật đối với hoạt động đầu tư.
- Các loại thuế bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Thuế áp dụng đối với Quỹ.
 - b. Thuế thu nhập đối với Nhà đầu tư
 - o Nhà đầu tư tổ chức (*không phân biệt trong nước hay nước ngoài*): thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 25% (*hai mươi lăm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Lợi nhuận tính thuế không bao gồm phần lợi tức được chia do đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước.
 - o Nhà đầu tư cá nhân: thuế suất thuế thu nhập là 5% (*năm phần trăm*) trên lợi nhuận được chia hoặc 5% (*năm phần trăm*) trên giá trị gia tăng của tài sản được chia so với mệnh giá khi quỹ bị thanh lý hay giải thể. Ngoài ra, giao dịch bán lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư cá nhân có thể chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán 0,1% (*không phải một phần trăm*) trên doanh thu bán lại Chứng chỉ Quỹ hoặc hình thức khác đã đăng ký với cơ quan thuế.

Ghi chú: Trên đây là biểu thuế hiện hành áp dụng đối với các giao dịch của Nhà đầu tư vào quỹ đại chúng và có thể thay đổi tại từng thời điểm theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư cần tham khảo các quy định có liên quan hoặc chuyên gia trong lĩnh vực thuế để có được thông tin cần thiết cho quyết định đầu tư của mình.
 - c. Hình thức nộp thuế theo lựa chọn mà Nhà đầu tư đăng ký khi tham gia giao dịch Chứng chỉ Quỹ gồm khấu trừ tại nguồn hoặc hình thức khác.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi thanh toán cho Nhà đầu tư.

XII. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Tình hình hoạt động của Quỹ sẽ được cập nhật và công bố cho Nhà đầu tư theo các nội dung và quy định tại Phần XIV. Cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, chế độ báo cáo.

XIII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

13.1. Công ty Quản lý Quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do Công ty quản lý;

- Tách biệt tài sản của Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của các quỹ mà Công ty Quản lý Quỹ quản lý, tài sản của Thành viên uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý.
- 13.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
- 13.3. Công ty Quản lý Quỹ phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty Quản lý Quỹ.

XIV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

14.1. Cung cấp tài liệu, thông tin cho Nhà đầu tư

- 14.1.1. Trong vòng tối đa ba (03) ngày kể từ Ngày định giá (*không tính các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật*), sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát, giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sẽ được công bố cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 14.1.2. Công ty Quản lý Quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm phải gửi Nhà đầu tư thống kê giao dịch, số dư trên tài khoản, tiểu khoản và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Đối với Nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh, Công ty Quản lý Quỹ gửi thống kê giao dịch, số dư trên tiểu khoản theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Nhà đầu tư.
- 14.1.3. Công ty Quản lý Quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho Nhà đầu tư:
- a. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - b. Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - c. Báo cáo tổng kết về hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
 - d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của quỹ, bán niên và cả năm;
 - e. Báo cáo về hoạt động của quỹ, bán niên và cả năm.
- 14.1.4. Các tài liệu quy định tại điểm 14.1.3 nêu trên được cung cấp miễn phí cho Nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Thời hạn công bố các tài liệu tại mục b, c, d, e điểm 14.1.3 không muộn quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và không muộn quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 14.1.5. Trường hợp Nhà đầu tư có yêu cầu, Công ty Quản lý Quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

14.2. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ, quản lý thông tin

14.2.1. Công ty Quản lý Quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- a. Báo cáo về hoạt động đầu tư của quỹ, định kỳ hàng tháng, bán niên và cả năm;
- b. Báo cáo tổng kết hoạt động Quản lý Quỹ, bán niên và cả năm;
- c. Báo cáo về các giao dịch tài sản của quỹ;
- d. Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và hàng năm;

14.2.2. Báo cáo phải được gửi kèm theo tệp dữ liệu điện tử trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày kết thúc tháng, trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc quý; trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính; và trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính của Quỹ.

14.2.3. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát phải lưu trữ toàn bộ tài liệu chứng từ về hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định về tổ chức và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát, Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, tổ chức kiểm toán, Ban Đại diện Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin về hoạt động của Quỹ, thông tin về Nhà đầu tư, không tiết lộ cho bất kỳ bên thứ ba, ngoại trừ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC, GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty TNHH Quản lý quỹ Bảo Việt

- Trụ sở chính: Tầng 6, Toà nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
- Điện thoại: (84-24) 3 928 9589 Fax: (84-24) 3 9289 590
- Website: <http://www.baovietfund.com.vn>

Các Đại lý phân phối theo quy định tại Bản Cáo bạch này

XV. CAM KẾT

Công ty Quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM BẢN CÁO BẠCH

- Phụ lục 1: Tóm tắt một số nội dung chính tại Điều lệ Quỹ

- Phụ lục 2: Hướng dẫn giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Phụ lục 3: Danh sách Đại lý phân phối và địa điểm giao dịch Chứng chỉ Quỹ
- Phụ lục 4: Sổ tay định giá
- Phụ lục 5: Biểu phí với Ngân hàng giám sát, lưu ký và tổ chức cung cấp dịch vụ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT
TỔNG GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Đình An

PHỤ LỤC 1: TÓM TẮT MỘT SỐ NỘI DUNG CHÍNH TẠI ĐIỀU LỆ QUỸ

Chương I: Các điều khoản chung

Chương I gồm 07 Điều, từ Điều 1 đến Điều 7, cung cấp các thông tin liên quan đến tên, địa chỉ liên hệ, thời gian hoạt động của Quỹ, nguyên tắc tổ chức, tổng vốn huy động tối thiểu và đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ. Bên cạnh đó, Chương I cung cấp các thông tin về Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là tối thiểu Năm mươi tỷ (50.000.000.000) đồng. Mệnh giá của mỗi Đơn vị Quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.

Chương II: Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

Chương II gồm 06 Điều, từ Điều 8 đến Điều 13, quy định mục tiêu, chiến lược, hạn chế đầu tư, các quy định về hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký Quỹ, hình thức giao dịch tài sản và phương pháp lựa chọn đầu tư.

Quỹ hướng tới mục tiêu tạo ra lợi nhuận có tính chất bền vững, dài hạn cho nhà đầu tư trên cơ sở khai thác hiệu quả cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp có nền tảng hoạt động tốt và triển vọng phát triển tại Việt Nam.

Chiến lược đầu tư được quy định tại Điều 9, Điều lệ Quỹ

1. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư chủ động (active), trong đó tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (HSX, HNX, UpCom) dựa trên phương pháp phân tích cơ bản (fundamental analysis - FA). Cổ phiếu được lựa chọn đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí đầu tư của Công ty Quản lý quỹ, đảm bảo phản ánh chính xác các yếu tố cốt lõi trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cổ phiếu của các doanh nghiệp mà Công ty Quản lý quỹ có lợi thế thông tin, có quá trình theo dõi, cập nhật liên tục sẽ được ưu tiên. Trong quá trình đầu tư, các yếu tố thị trường của cổ phiếu có thể được xem xét và đóng vai trò hỗ trợ đối với việc ra quyết định đầu tư.

Quỹ tìm kiếm cơ hội đầu tư đối với cả cổ phiếu tăng trưởng (growth stocks) và cổ phiếu giá trị (value stocks), không giới hạn về quy mô vốn hóa của cổ phiếu, để lựa chọn được các cơ hội đầu tư tối ưu, mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất cho Quỹ. Phương pháp đầu tư được sử dụng chủ yếu là phương pháp tiếp cận từ trên xuống (top – down approach), các cổ phiếu sẽ được ưu tiên mua và nắm giữ (buy and hold) trong khoảng thời gian trung - dài hạn. Tuy nhiên, tùy thuộc vào biến động của thị trường trong ngắn hạn, Công ty Quản lý quỹ sẽ xem xét thực hiện linh hoạt các giải pháp để gia tăng hiệu quả đầu tư.

2. Tài sản được phép đầu tư của Quỹ bao gồm:
 - a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
 - b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
 - c) Trái phiếu Chính phủ; trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

3. Cơ cấu tài sản mục tiêu của Quỹ như sau:

Tài sản	Tỷ trọng (*)	Ghi chú
Cổ phiếu	51% – 100%	<i>Cơ cấu tài sản mang tính định hướng. Tùy thuộc vào tình hình thị trường, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thay đổi cơ cấu tài sản của danh mục đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu đầu tư của Quỹ.</i>
Các tài sản được phép đầu tư khác	0% – 49%	

(*) *Tính trên tổng giá trị tài sản của Quỹ.*

4. Công ty Quản lý Quỹ chủ động quyết định cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ căn cứ điều kiện thị trường và các cơ hội đầu tư, đảm bảo mục tiêu đầu tư, hạn chế đầu tư và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề không bị cấm theo quy định của pháp luật.

Hạn chế đầu tư được quy định tại Điều 10, Điều lệ Quỹ

1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các hạn chế đầu tư dưới đây:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 2, Điều 9, Điều lệ Quỹ.
- b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm a, b, d, e, f, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ

- phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
- d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 9 tại Điều lệ Quỹ;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
2. Trừ trường hợp quy định tại Điểm g, h, i Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ, cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế đầu tư tại Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ nhưng chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:
- a) Do biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Do phải thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ;
 - c) Do thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư.
 - d) Do hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - e) Do quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu(06) tháng, tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
3. Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn chế đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 10, Điều lệ Quỹ trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.
4. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty Quản lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (*nếu phát sinh*). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.
5. Các hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 2, Điều này sẽ được tự động điều chỉnh, bổ sung theo quy định pháp luật mà không cần phải lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư.

Phương pháp lựa chọn đầu tư được quy định tại Điều 13, Điều lệ Quỹ

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ sẽ trình danh sách và hạn mức đầu tư (nếu có) tại các ngân hàng thương mại và tổ chức có uy tín để Ban Đại diện Quỹ xem xét và phê duyệt nguyên tắc thực hiện hoạt động đầu tư đối với Tiền gửi, Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng cho Quỹ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp:

Căn cứ nhận định về xu hướng vận động của cấu trúc kỳ hạn của lãi suất trái phiếu, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các trái phiếu để đầu tư với các tiêu chí ưu tiên như kỳ hạn còn lại của trái phiếu, tính thanh khoản, rủi ro tín dụng...

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với Cổ phiếu:

Các cổ phiếu được lựa chọn dựa trên nền tảng cốt lõi là phân tích cơ bản (*fundamental analysis – FA*) thông qua quy trình sàng lọc cổ phiếu kỹ càng và chặt chẽ theo phương pháp tiếp cận từ trên xuống (*top – down approach*). Các yếu tố có thể được xem xét trong quá trình đầu tư bao gồm:

- Tình hình kinh tế vĩ mô, trong đó đánh giá tác động của những nhân tố kinh tế vĩ mô (*lạm phát, lãi suất...*) và nhân tố phi kinh tế (*chính trị, xã hội...nếu có*) ảnh hưởng đến hoạt động của ngành cũng như các công ty trong ngành, qua đó xác định được những ngành/công ty có tiềm năng trong môi trường kinh tế hiện tại.
- Đánh giá sự tương quan giữa các ngành/công ty để phân bổ nguồn vốn hiệu quả cho từng ngành/công ty có nền tảng cơ bản tốt và có triển vọng phát triển vững chắc phù hợp với tiêu chí đầu tư của Quỹ.

Phương pháp này có tính liên kết, nhất quán và an toàn phù hợp với điều kiện thị trường cổ phiếu Việt Nam hiện tại. Các tiêu chí sàng lọc sơ bộ (screening) đối với cổ phiếu giá trị và cổ phiếu tăng trưởng sẽ được thay đổi linh hoạt dựa trên những đánh giá của Công ty Quản lý quỹ về điều kiện thị trường và cơ hội đầu tư trong từng giai đoạn với mục đích tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư với tài sản là chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán:

Căn cứ vào đánh giá về điều kiện thị trường và nhận định về xu hướng vận động của tài sản cơ sở, Công ty quản lý Quỹ sẽ lựa chọn các chứng khoán phái sinh để đầu tư nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho danh mục

Chương III: Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư và giao dịch chứng chỉ Quỹ

Chương III gồm 07 Điều, từ Điều 14 đến Điều 20, quy định các nội dung về Nhà đầu tư, quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư, sổ đăng ký Nhà đầu tư. Ngoài ra, chương III cung cấp các thông tin về giao dịch chứng chỉ Quỹ, mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ Quỹ, giá bán, giá mua lại, phí giao dịch chứng chỉ Quỹ và chuyển nhượng phi thương mại.

Nhà đầu tư của Quỹ có thể là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài, cá nhân trong và ngoài nước. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

Nhà đầu tư là pháp nhân trong nước, tổ chức nước ngoài cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản theo quy định pháp luật có liên quan.

Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư được quy định tại Điều 15 Điều lệ Quỹ:

1. Nhà đầu tư có quyền:
 - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ;
 - b) Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản Quỹ;
 - c) Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);
 - d) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà đầu tư;
 - e) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.
2. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - b) Thanh toán đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;
 - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ.

Giao dịch chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ:

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch Chứng chỉ Quỹ phải được tổ chức định kỳ.
 - b) Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ là ngày thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần không kể các ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật (Ngày T). Việc giảm tần suất giao dịch so với tần suất giao dịch đã được quy định tại Bản Cáo bạch phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng; Việc tăng tần suất giao dịch so với tần suất giao dịch đã được quy định tại Bản Cáo

bạch sẽ được Công ty quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật tại Bản Cáo bạch, công bố thông tin theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Lưu ý: Trường hợp ngày T là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, kỳ giao dịch đó sẽ bị hủy. Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ kế tiếp.

- c) Thời điểm đóng sổ lệnh là mười bốn giờ bốn mươi lăm phút (14h45) tại ngày T – 1. Các lệnh nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

Lưu ý: Trường hợp ngày T - 1 là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được dời sang mười bốn giờ bốn mươi lăm phút (14h45) của ngày làm việc gần nhất trước đó.

- d) Nhà đầu tư chỉ thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ tại các Đại lý phân phối theo danh sách tại Bản cáo bạch.
- e) Đối với Nhà đầu tư lần đầu giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối phải tổng hợp thông tin nhận biết Nhà đầu tư, người được hưởng lợi (nếu có) và gửi yêu cầu cho Đại lý chuyển nhượng mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư trên cơ sở Giấy đề nghị đăng ký giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo mẫu quy định tại Bản cáo bạch. Nhà đầu tư có quyền lựa chọn các loại tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau:

- i. Tài khoản của chính mình, đứng tên chủ sở hữu là Nhà đầu tư (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư);
- ii. Tài khoản giao dịch trên tài khoản đứng tên của đại lý ký danh (gọi tắt là tài khoản của Nhà đầu tư).

Lưu ý: Nhà đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng cần mở tài khoản "Vốn gián tiếp" (FII) phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối trong việc giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Khi tiến hành thủ tục mở tài khoản tại Đại lý phân phối, Nhà đầu tư nước ngoài đăng ký tài khoản FII là tài khoản nhận các khoản thanh toán từ hoạt động giao dịch Chứng chỉ quỹ và cung cấp tài liệu xác nhận tài khoản FII đã được mở tại ngân hàng thương mại cho Đại lý phân phối.

- f) Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ (mua/bán/chuyển đổi/sửa/hủy lệnh) trên tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Việc ủy quyền của Nhà đầu tư phải được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
- g) Giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua Chứng chỉ Quỹ là một triệu (1.000.000) đồng. Số lượng tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ là năm (05) Chứng chỉ Quỹ. Việc điều chỉnh tăng giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua (hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi) so với giá trị tối thiểu (hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu) đã được quy định tại Bản Cáo bạch phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện. Việc điều chỉnh giảm giá trị tối thiểu đối với một lệnh mua (hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán hoặc lệnh chuyển đổi) so với giá trị tối thiểu (hoặc số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu) đã được quy định tại Bản Cáo bạch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai, cập nhật tại Bản Cáo bạch, công bố

thông tin theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện. Công ty Quản lý Quỹ sẽ cập nhật phần thay đổi này vào Điều lệ Quỹ tại kỳ họp Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

- h) Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ (*số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu*), toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- i) Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư khi Nhà đầu tư đã điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đề nghị giao dịch Chứng chỉ Quỹ (*Phiếu lệnh*) theo mẫu quy định tại Bản Cáo bạch. Phiếu lệnh phải được Đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà đầu tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm các quy định tại Điểm i, khoản 1, Điều 16, Điều lệ Quỹ.
- j) Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - ii. Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - iii. Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm;
 - iv. Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

2. Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ:

- a) Trường hợp giao dịch trên tài khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;
 - Các hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch (*nếu có*);

Trường hợp giao dịch trên tiểu khoản của Nhà đầu tư, Nhà đầu tư nộp tiền theo hướng dẫn của Đại lý ký danh.

Lưu ý: Phí chuyển tiền và thuế phát sinh (nếu có) do Nhà đầu tư tự thanh toán.

- b) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối để xử lý. Lệnh mua được gửi kèm tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc được Ngân hàng Giám sát xác nhận đã nhận được đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Đối với Đại lý ký danh, việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ được thực hiện trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán, thời hạn thanh toán thực hiện theo quy định tại hợp đồng giữa Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý ký danh.

c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư được xác định theo công thức:

$$S = \frac{M * (1 - \text{Phí phát hành (\%)})}{V}$$

Trong đó:

S: Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư;

M: Giá trị đặt mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ;

V: Giá trị tài sản ròng trên 01 (một) Chứng chỉ Quỹ tại Ngày giao dịch.

- d) Số lượng Chứng chỉ Quỹ bán cho Nhà đầu tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- e) Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

3. Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Phiếu lệnh và chuyển tới Đại lý phân phối để xử lý hoặc điền thông tin trên hệ thống nhận lệnh trực tuyến của Đại lý phân phối. Lệnh bán chỉ được thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan bảo đảm Nhà đầu tư có đủ số lượng Chứng chỉ Quỹ để bán theo yêu cầu.
- b) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Quỹ.
- c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ đối với một lệnh bán có thể có số lẻ ở dạng thập phân tới số hạng thứ hai (02) sau dấu phẩy.
- d) Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư khi bán Chứng chỉ Quỹ được xác định theo công thức:

$$T = R \times V \times (1 - \text{Phí mua lại (\%)}) - \text{Thuế, phí phát sinh (nếu có)}$$

Trong đó:

T: Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư;

R: Số lượng Chứng chỉ Quỹ đã bán thành công;

V: Giá trị tài sản ròng trên một (01) Chứng chỉ Quỹ tại ngày giao dịch.

- e) Trong thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, Đại lý phân phối gửi Nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- f) Việc thanh toán được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà đầu tư.

tư.

Lưu ý: Các chi phí và thuế phát sinh (nếu có) trong quá trình chuyển tiền cho Nhà đầu tư từ tài khoản của Quỹ sẽ được khấu trừ vào Giá trị thanh toán cho Nhà đầu tư.

- g) Thời hạn thanh toán là năm (05) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 18, Điều lệ Quỹ và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
- h) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm h, khoản 3, Điều 17, Điều lệ Quỹ.
- i) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại điểm (h) nói trên.

4. Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ:

- a) Nhà đầu tư có thể chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ thuộc sở hữu sang chứng chỉ của quỹ mở khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
- b) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu chỉ được thực hiện tại ngày giao dịch tương ứng sau khi tiền bán chứng chỉ quỹ bị bán (lệnh bán có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần) đã được chuyển vào tài khoản của quỹ mục tiêu;*
- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*

5. Hủy lệnh giao dịch:

- a) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- b) Ngoài ra, việc hủy lệnh giao dịch của Nhà đầu tư sẽ được thực hiện sau thời điểm đóng sổ lệnh trong các trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 5, Điều 17, Điều lệ Quỹ

6. Hoàn trả tiền:

- a) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được cao hơn giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua, lệnh mua sẽ được thực hiện với giá trị đã đăng ký tại Phiếu đăng ký mua và phần tiền còn thừa sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có).
- b) Trường hợp hủy, sửa lệnh giao dịch, phần tiền không thực hiện lệnh sẽ được hoàn trả vào tài khoản đã đăng ký của Nhà đầu tư sau khi trừ đi các chi phí chuyển tiền phát sinh (nếu có) trừ trường hợp quy định tại Điểm c dưới đây.
- c) Trường hợp tiền mua Chứng chỉ Quỹ nhận được không xác định được lệnh đăng ký mua đi kèm hoặc thông tin Nhà đầu tư tại nội dung chuyển tiền không khớp với thông tin Nhà đầu tư trên tài khoản giao dịch, các khoản tiền này sẽ được chuyển trả về ngân hàng đã chuyển tiền để hoàn trả cho đối tượng chuyển tiền sau khi trừ đi các chi phí phát sinh (nếu có).
- d) Thời hạn hoàn trả đối với tất cả các trường hợp nói trên là trong vòng năm (05) ngày kể từ Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

7. Chương trình đầu tư định kỳ:

- a) Nhà đầu tư có thể thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ theo đó Nhà đầu tư cam kết và thực hiện mua Chứng chỉ Quỹ với một số tiền tối thiểu định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý trong một khoảng thời gian đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ;
- b) Thông tin về Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được quy định cụ thể tại Bản Cáo bạch;

Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 18, Điều lệ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán của Nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:
 - a) Tổng giá trị các lệnh bán trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả các lệnh mua, bán từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ; hoặc
 - b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà đầu tư dẫn tới giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng.
2. Trường hợp lệnh bán được thực hiện một phần theo quy định tại Khoản 1 nói trên, Công ty Quản lý Quỹ áp dụng nguyên tắc mua lại theo cùng một tỷ lệ theo đó tất cả các lệnh bán được ghép cùng nhau để thực hiện, đảm bảo tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau. Phần còn lại của các lệnh bán chưa được thực hiện hết sẽ tự động bị hủy bỏ. Trường hợp vẫn có nhu cầu bán, Nhà đầu tư tiếp tục đặt lệnh tại Ngày giao dịch kế tiếp hoặc lệnh bán sẽ được tự động thực hiện tại Ngày giao dịch kế tiếp trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ còn lại thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ duy trì tối thiểu tại tài khoản.

Công thức tính tỷ lệ như sau:

- i. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, việc phân bổ lệnh bán cho Nhà

đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{10\% \times \text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

- ii. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 17, việc phân bổ lệnh bán cho nhà đầu tư được thực hiện theo tỷ lệ như sau:

$$\text{Tỷ lệ} = \frac{\text{NAV} + \text{Tổng giá trị lệnh mua ròng (*)} - 50 \text{ tỷ đồng}}{\text{Tổng giá trị lệnh bán}}$$

() Tổng giá trị lệnh mua ròng = Tổng giá trị đặt mua CCQ hợp lệ – Tổng phí phát hành*

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 17, Công ty Quản lý Quỹ được phép đề xuất Ban Đại diện Quỹ duyệt kéo dài thời hạn thanh toán, nhưng không vượt quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
4. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b) Công ty Quản lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c) Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc UBCKNN xét thấy là cần thiết.
5. Công ty Quản lý Quỹ phải báo cáo Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Khoản 4 nêu trên và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
6. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
7. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại Khoản 6 nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
8. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công ty Quản lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội Nhà đầu tư.

Chuyển nhượng phi thương mại được quy định tại Điều 18 Điều lệ Quỹ:

1. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ
 - a) Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
 - b) Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
2. Cho tặng Chứng chỉ Quỹ
 - a) Bên được cho tặng phải cung cấp các giấy tờ và làm các thủ tục cần thiết để mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
 - b) Bên cho tặng nộp đơn đề nghị cho tặng tại Đại lý phân phối.
 - c) Số lượng Chứng chỉ Quỹ cho tặng không thấp hơn số lượng Chứng chỉ Quỹ tối thiểu đối với một lệnh bán trừ trường hợp cho tặng toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản.
3. Việc giao dịch, duy trì tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi chuyển nhượng phi thương mại được thực hiện tương tự quy định tại Điều 17, Điều 18 của Điều lệ Quỹ.

Giá bán, giá mua lại, Phí giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều 20, Điều lệ Quỹ

1. Giá phát hành lần đầu: Mười nghìn (10.000) đồng/Chứng chỉ Quỹ.
2. Giá bán (*Giá phát hành*) một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Phí phát hành.
3. Giá mua lại một Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ tính tại Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi Phí mua lại.
4. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau:
 - a) Đối với đợt phát hành lần đầu: Không tính phí.
 - b) Đối với các đợt phát hành tiếp theo: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
5. Phí mua lại Chứng chỉ Quỹ được quy định như sau: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ

Lưu ý: Trong trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán có các thời điểm nắm giữ khác nhau, Quỹ áp dụng nguyên tắc mua trước bán trước có nghĩa là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ dài hơn sẽ được ưu tiên, kể đến là các Chứng chỉ Quỹ có thời gian nắm giữ ngắn hơn.

6. Phí chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
7. Phí phát hành Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ: Tối đa 1,0%. Mức phí cụ thể sẽ được công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.

8. Đối với các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại, Nhà đầu tư chỉ thanh toán các chi phí và thuế phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Chương IV: Đại hội Nhà đầu tư

Chương IV gồm 05 điều, từ Điều 21 đến Điều 25, quy định các nội dung liên quan đến Đại hội Nhà đầu tư, quyền và nhiệm vụ của Nhà đầu tư, điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư, quyết định và phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 20 Điều lệ Quỹ:

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà đầu tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Trường hợp tổ chức Đại hội Nhà đầu tư lần đầu ngay sau khi Quỹ được thành lập, Nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ tại đợt chào bán Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng theo danh sách tại hồ sơ lập quỹ gửi UBCKNN có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp đại hội Nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản nếu có sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ và không liên quan đến một trong những vấn đề quy định tại Khoản 2, Điều 21, Điều lệ Quỹ.
3. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản lý Quỹ, hoặc Ngân hàng Giám sát, hoặc Ban Đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của Nhà đầu tư hoặc nhóm Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập Đại hội;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
4. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 3, Điều 21, Điều lệ Quỹ phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Công ty Quản lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư.

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 22 Điều lệ Quỹ:

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; phương án phân phối lợi nhuận; Tăng mức phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát; Thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
3. Sáp nhập Quỹ, hợp nhất Quỹ ;

4. Tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách Quỹ;
5. Giải thể Quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên Ban Đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại diện Nhà đầu tư được quy định tại Điều 23, Điều lệ Quỹ

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho Nhà đầu tư và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tối thiểu ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tiến hành Đại hội.
2. Nhà đầu tư có thể trực tiếp tham dự đại hội Nhà đầu tư hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.
3. Cuộc họp đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 3, Điều 23, Điều lệ Quỹ, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà đầu tư tham dự.
5. Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư.
 - a) Thể thức, hình thức họp Đại hội Nhà đầu tư do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
 - b) Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, họp trực tuyến (bao gồm họp tại một địa điểm hoặc từ hai địa điểm trở lên thông qua sự kết nối của các phương tiện, thiết bị truyền thông điện tử), bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản (bao gồm hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) tới Nhà đầu tư.
 - c) Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
 - d) Tất cả các cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và bản gốc lưu trữ ở trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.
 - e) Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản từ các Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền của Ban Đại diện Quỹ phải thực hiện các công việc quy định tại Điểm e, Khoản 5, Điều 23, Điều lệ Quỹ.

Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 24, Điều lệ Quỹ

1. Mỗi đơn vị Quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp lấy ý kiến Nhà đầu tư bằng văn bản, Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
4. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2, 3, Điều 22, Điều lệ Quỹ, Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua khi số Nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà đầu tư dự họp tán thành.
5. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số Nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của các Nhà đầu tư biểu quyết chấp thuận.
6. Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm xem xét đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ, Ban Đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho Ngân hàng Giám sát, cung cấp cho Nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được quy định tại Điều 25, Điều lệ Quỹ:

1. Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại Khoản 2, 3 Điều 22, Điều lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua. Yêu cầu phải được Nhà đầu tư gửi cho Công ty Quản lý Quỹ trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp đại hội Nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 25 đối với các yêu cầu của Nhà đầu tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý phân phối. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng tại Ngày giao dịch ngay sau ngày họp Đại hội Nhà đầu tư và Nhà đầu tư không phải thanh toán Phí mua lại.

Chương V: Ban Đại diện Quỹ

Chương V gồm 07 điều, từ Điều 26 đến Điều 32, quy định các nội dung liên quan đến Ban Đại diện

Quỹ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ, Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ, thủ tục điều hành Ban Đại diện Quỹ, đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ, cuộc họp Ban Đại diện Quỹ.

1. Ban Đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban Đại diện Quỹ là các thành viên độc lập.
2. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
 - b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - c) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - d) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
3. Trường hợp cơ cấu Ban Đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 26, Điều lệ Quỹ, hoặc thành viên bị buộc phải từ nhiệm trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại diện Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên đáp ứng quy định tại Khoản 2, Điều 26, Điều lệ quỹ để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ cho tới khi đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 28, Điều lệ Quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Quỹ và Nhà đầu tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách, hạn mức (nếu có) cho các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e, Khoản 2 Điều 9 Điều lệ Quỹ; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Quỹ. Các quyết định được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để đảm bảo an toàn tài sản của Quỹ.
3. Quyết định tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư của Quỹ (nếu có); mức lợi nhuận phân phối; thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Trong trường hợp Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 tại Điều 22, Điều lệ Quỹ.
5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại Khoản 4 Điều 28, Điều lệ Quỹ, Ban Đại diện Quỹ thông qua Công ty Quản lý Quỹ, phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà đầu tư tại trang tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
8. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban Đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban Đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 29, Điều lệ Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại diện Quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại diện Quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 29, Điều lệ Quỹ

Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 31, Điều lệ Quỹ

Thành viên Ban Đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
2. Bị tòa tuyên bố là mất tích, chết hoặc mất năng lực hành vi.
3. Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban Đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN hoặc các cơ quan có thẩm quyền.
4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.

5. Bị cách chức thành viên Ban Đại diện Quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
6. Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
7. Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền và lợi ích của Nhà đầu tư và Quỹ.
8. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua Đại hội Nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi miễn tư cách thành viên Ban Đại diện Quỹ nêu tại Điều này dẫn đến số lượng thành viên của Ban Đại diện Quỹ ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hiện hành.

Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được quy định tại Điều 32, Điều lệ Quỹ

1. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban Đại diện Quỹ. Ban Đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần, trong trường hợp cần thiết có thể họp bất thường.
2. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên dự họp trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên.
3. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.
4. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ sáu mươi phần trăm (60%) trở lên số thành viên dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên độc lập thông qua.
5. Cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban Đại diện Quỹ.
6. Nghị quyết, Biên bản của cuộc họp Ban Đại diện Quỹ phải được gửi đến Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên liên quan (*chỉ với các nội dung được đề cập tại Khoản 4, Điều 28, Điều lệ Quỹ*).
7. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ, nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.

Chương VI: Công ty Quản lý Quỹ

Chương VI gồm 04 điều, từ Điều 33 đến Điều 36, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ, hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 34, Điều lệ Quỹ

1. Nghĩa vụ Công ty Quản lý Quỹ

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ và bảo vệ quyền lợi của Nhà đầu tư;
- b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của Quỹ và Nhà đầu tư;
- c) Bảo vệ an toàn và quản lý tách biệt tài sản của từng Quỹ, của Công ty Quản lý Quỹ;
- d) Đối với những giao dịch của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của Quỹ; thông báo đầy đủ thông tin liên quan đến giao dịch đó cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN và thông báo công khai cho Nhà đầu tư;
- e) Bảo đảm việc uỷ quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của Công ty Quản lý Quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ;
- f) Đền bù các tổn thất của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều này;
- g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- h) Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho Quỹ thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Giám đốc đầu tư, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho một người thứ ba, ngoài khoản phí quy định trong Điều lệ Quỹ;
- i) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật;
- j) Trong trường hợp Ngân hàng Giám sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải huỷ bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản Quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do Công ty Quản lý Quỹ chịu;
- k) Thay mặt Quỹ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- l) Cung cấp cho các Nhà đầu tư các báo cáo có liên quan hàng tháng, quý, năm dưới dạng văn bản, fax, email hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.
- m) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Ngân hàng giám sát.
- n) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

2. Quyền của Công ty Quản lý Quỹ

- a) Được tham dự các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ (*nhưng không được quyền biểu quyết*).
- b) Được hưởng các khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của

pháp luật hoặc theo các quy định khác của Đại hội Nhà đầu tư.

- c) Được hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán; Công ty Quản lý Quỹ chỉ được tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư vào hoặc tiếp nhận nguồn vốn đầu tư từ các Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ quản lý; không được tham gia các hoạt động tư vấn niêm yết hoặc tư vấn phát hành chứng khoán.
- d) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật hiện hành.

Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Điều 36, Điều lệ Quỹ

1. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng Giám sát.
2. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà Công ty Quản lý Quỹ đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.
3. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban Đại diện Quỹ, nhân viên công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.
4. Công ty Quản lý Quỹ không được phép dùng vốn của Quỹ để mua tài sản của một quỹ khác mà mình quản lý nhằm làm tăng hay giảm giá trị của Quỹ.
5. Công ty Quản lý Quỹ không được nhận cho chính mình bất kỳ thu nhập hay lợi ích nào thu được từ việc sử dụng các dịch vụ giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp và phải hạch toán các khoản này vào thu nhập của Quỹ.
6. Công ty Quản lý Quỹ không được thực hiện các giao dịch làm tăng chi phí và rủi ro không hợp lý cho Quỹ.
7. Các hạn chế khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Chương VII: Ngân hàng Giám sát

Chương VII gồm 04 điều, từ Điều 37 đến Điều 40, cung cấp các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng Giám sát, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát, chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều 38, Điều lệ Quỹ

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát
 - a) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
 - b) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản

quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;

- c) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- d) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và tài sản của chính Ngân hàng Giám sát;
- e) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- f) Giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo tần suất phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
- g) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi UBCKNN;
- h) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ;
- i) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- j) Thanh toán tiền cho Nhà đầu tư của Quỹ khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;
- k) Các nghĩa vụ khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

- a) Được rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ.
- b) Được kiểm tra hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, kiểm tra các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan.
- c) Được rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ.
- d) Được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện

công việc được quy định trong Hợp đồng đã ký và tự chịu toàn bộ chi phí.

e) Các quyền khác theo Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật.

Chương VIII: Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Chương VIII gồm 05 điều, từ Điều 41 đến Điều 45, quy định về các hoạt động được ủy quyền, tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền, chấm dứt hoạt động ủy quyền.

Chương IX: Đại lý phân phối, Đại lý ký danh

Chương IX gồm Điều 46 quy định về tiêu chuẩn lựa chọn, đánh giá Đại lý phân phối, Đại lý ký danh.

Chương X: Kiểm toán, kế toán và Chế độ báo cáo

Chương X gồm 05 điều, từ Điều 47 đến Điều 51, quy định về tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán, năm tài chính, chế độ báo cáo, báo cáo tài chính và báo cáo khác.

Chương XI: Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Chương XI gồm 05 điều, từ Điều 52 đến Điều 56, quy định các nội dung về việc xác định giá trị tài sản ròng, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, quy trình định giá tài sản quỹ. Ngoài ra, chương XI cung cấp thông tin về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá và đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư, Quỹ

Chương XII: Lợi nhuận và chi phí

Chương XII gồm Điều 57 và 58, quy định về việc phân chia lợi nhuận của Quỹ và chi phí hoạt động của Quỹ.

Phân chia lợi nhuận của Quỹ được quy định tại Điều 56, Điều lệ Quỹ

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (*hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư*) quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.
2. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã

định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

3. Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (*bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
 - c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng Chứng chỉ Quỹ phát hành để phân chia (*trong trường hợp chia lợi nhuận bằng Chứng chỉ Quỹ*);
 - d) Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
 - e) Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Chương XIII: Tái cơ cấu Quỹ

Chương XIII gồm 03 điều, từ Điều 59 đến Điều 61, quy định các điều kiện hợp nhất, sáp nhập, các điều kiện tách Quỹ, các điều kiện giải thể Quỹ.

Chương XIV: Giải quyết các xung đột về lợi ích

Chương XIV bao gồm Điều 62 quy định về Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ.

Chương XV: Công bố thông tin và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chương XV bao gồm 04 điều, từ Điều 63 đến Điều 66, quy định về công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà đầu tư, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, đăng ký Điều lệ và điều khoản thi hành.

Ngoài ra, Điều lệ Quỹ còn có 05 Phụ lục:

Phụ lục số 1: Cam kết của Công ty Quản lý Quỹ

Phụ lục số 2: Cam kết của Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 3: Cam kết chung của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát

Phụ lục số 4: Phương pháp định giá các tài sản trong danh mục đầu tư

Phụ lục số 5: Biểu phí lưu ký giám sát và phí trả cho dịch vụ ủy quyền

PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

I. Mở/đóng tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ

- Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ. Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ được mở tại các Đại lý phân phối theo công bố tại Bản Cáo bạch của Quỹ.
- Hồ sơ đăng ký mở Tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ (HSDKMTK) bao gồm:
 - Đối với Nhà đầu tư Cá nhân:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư cá nhân;
 - Bản sao CMND/hộ chiếu;
 - Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp Nhà đầu tư ủy quyền đặt lệnh giao dịch hoặc nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ;
 - Đối với Nhà đầu tư Tổ chức:
 - Giấy Đăng Ký Giao Dịch Chứng chỉ Quỹ Mở (*Giấy đăng ký mở tài khoản*) - mẫu dành cho nhà đầu tư tổ chức.
 - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh (*nếu có*).
 - Bản chính Giấy ủy quyền chỉ định Người tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại Đại lý phân phối.
 - Các loại giấy tờ khác như bản sao có công chứng CMND/hộ chiếu của người được nhận ủy quyền, người đại diện.
- Trong quá trình mở tài khoản, Nhà đầu tư có thể lựa chọn đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử như sau:
 - Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử (*tại Giấy đăng ký mở tài khoản hoặc Phiếu đăng ký nhập lệnh điện tử theo mẫu*) và ký vào thỏa thuận nhận lệnh điện tử do Đại lý phân phối cung cấp.
 - Sau khi hoàn thành các thủ tục như trên, Nhà đầu tư sẽ được cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập vào hệ thống nhận lệnh điện tử thông qua email đã đăng ký tại Giấy đăng ký mở tài khoản. Trình tự, thủ tục nhập lệnh điện tử sẽ được hướng dẫn chi tiết tại hệ thống nhận lệnh điện tử.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư hoàn thiện HSDKMTK và chuyển cho Đại lý phân phối.

- (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của HSDKMTK theo quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan. Trường hợp đáp ứng quy định, Đại lý phân phối chuyển các thông tin tại HSDKMTK cho Đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.
- (3) Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được HSDKMTK đầy đủ, hợp lệ, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.
- Tài khoản giao dịch Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư sẽ được đóng trong các trường hợp sau:
 - Nhà đầu tư yêu cầu đóng và tài khoản giao dịch không còn Chứng chỉ Quỹ;
 - Tài khoản giao dịch được tự động đóng khi không có số dư liên tục trong vòng một (01) năm;
 - Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại Đại lý phân phối khác;

II. Thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ tại đợt phát hành lần đầu:

- Thời gian thực hiện: Các ngày làm việc trong giai đoạn phát hành lần đầu theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ và Đại lý phân phối;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 1.000.000 đồng/lệnh mua
- Thông tin tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng Giám sát:
 - Số tài khoản:
 - Tên tài khoản:
 - Tên ngân hàng:
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so TKGD]_[nop tien mua CCQ BVPF]"

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản phong tỏa của Quỹ;
 - (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử.

- (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản phong tỏa của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh.
- (4) Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của UBCKNN, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

2.2 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo:

2.2.1 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ thông thường:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số tiền đặt mua: Tối thiểu 1.000.000 đồng/lệnh mua;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

Lưu ý: Nội dung thanh toán “[Ho ten nha dau tu]_[so TKGD]_[Mã Sản Phẩm quỹ BVPF]”

Mã sản phẩm quỹ như sau :

- Đối với loại lệnh đăng ký mua thông thường của quỹ BVPF :

Mã sản phẩm quỹ
BVPFN001

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ;
 - (2) Nhà đầu tư đặt lệnh mua Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (3) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hiện hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh. Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

- (4) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh mua đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số tiền Nhà đầu tư đã nộp vào tài khoản tiền của Quỹ. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
- (5) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ:

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)]}{\text{NAV/CCQ}}$$

- (6) Nếu phát sinh các trường hợp phải hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ, thời gian hoàn trả tiền là trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch;

2.2.2 Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ (SIP):

- Thời gian tham gia, Số tiền đặt mua, Kỳ nộp tiền...theo đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Nhà đầu tư;
- Giao dịch mua Chứng chỉ Quỹ theo Chương trình đầu tư định kỳ sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất;
- Thông tin tài khoản tiền của Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát: Theo thông báo của Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản;
- Nhà đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp thanh toán tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ mở tại Ngân hàng Giám sát theo quy định của pháp luật có liên quan dưới các hình thức sau:
 - Chuyển khoản;
 - Nộp tiền tại ngân hàng giám sát hoặc thông qua ngân hàng trung gian;

Lưu ý: Nội dung thanh toán "[Ho ten nha dau tu]_[so TKGD]_[Mã sản phẩm quỹ BVPF]"

Mã sản phẩm quỹ như sau :

- Đối với loại lệnh đăng ký mua định kỳ (SIP) của quỹ BVPF :

Quỹ	Thời gian đăng ký mua	Mã sản phẩm quỹ
BVPF	1 năm	BVPFS002
BVPF	2 năm	BVPFS003
BVPF	Trên 2 năm	BVPFS004

- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ tại Đại lý phân phối mà Nhà đầu tư thực hiện mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
 - (2) Tùy thuộc vào Chương trình đầu tư định kỳ đã đăng ký, Nhà đầu tư nộp tiền mua Chứng chỉ Quỹ vào tài khoản tiền của Quỹ trước thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất tương ứng;
 - (3) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch ngay sau Thời điểm nộp tiền định kỳ muộn nhất, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Số lượng CCQ được phân phối} = \frac{\text{Số tiền đăng ký mua} \times [1 - \text{Phí phát hành (\%)}]}{\text{NAV/CCQ}}$$

2.2.3 Giao dịch bán Chứng chỉ Quỹ:

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đặt bán: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh;
- Lệnh bán Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm (05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh bán Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh bán đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
 - (4) Trong vòng 03 ngày kể từ Ngày giao dịch, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

$$\text{Giá trị Bán được nhận} = \text{Số lượng CCQ được mua lại} \times \text{NAV/CCQ} \times [1 - \text{Phí mua lại (\%)}]$$

- (5) Trong vòng 05 ngày kể từ Ngày giao dịch, tiền bán Chứng chỉ Quỹ sẽ được chuyển vào tài khoản đứng tên Nhà đầu tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu của Nhà đầu tư;

2.3 Giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ

- Ngày giao dịch: Định kỳ thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần (Ngày T);
- Thời gian thực hiện: Trước 14h45 của Ngày T - 1;
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ chuyển đổi: Tối thiểu năm (05) Chứng chỉ Quỹ/lệnh giao dịch;
- Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo các nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - c. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán phí chuyển đổi, không phải thanh toán phí mua, phí bán đối với các lệnh giao dịch nói trên.

Lưu ý:

- *Lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu chỉ được thực hiện tại ngày giao dịch tương ứng sau khi tiền bán chứng chỉ quỹ (lệnh bán có thể được thực hiện toàn bộ hoặc một phần) đã được chuyển vào tài khoản của quỹ mục tiêu;*
- *Phí chuyển tiền, thuế giao dịch phát sinh trong quá trình chuyển đổi (nếu có) sẽ được khấu trừ vào số tiền thu được từ lệnh bán trong giao dịch chuyển đổi;*
- *Thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ mục tiêu sẽ được tính từ ngày lệnh chuyển đổi được thực hiện;*
- Lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ có thể chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
- Trường hợp số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản giao dịch của Nhà đầu tư thấp hơn năm(05) Chứng chỉ Quỹ sau khi thực hiện lệnh, toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư sẽ được tự động bán vào Ngày giao dịch tiếp theo.
- Trình tự thực hiện:
 - (1) Nhà đầu tư đặt lệnh chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ trực tiếp tại Đại lý phân phối hoặc thông qua hệ thống nhận lệnh điện tử;
 - (2) Trường hợp hủy lệnh, Nhà đầu tư chỉ thực hủy lệnh trước thời điểm đóng sổ lệnh; Sau thời điểm đóng sổ lệnh, việc hủy lệnh sẽ được thực hiện đối với các trường hợp không hợp lệ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

- (3) Đại lý phân phối phối hợp với Đại lý chuyển nhượng kiểm tra nội dung của lệnh chuyển đổi đảm bảo phù hợp với các thông tin của Nhà đầu tư và số lượng Chứng chỉ Quỹ trên tài khoản của Nhà đầu tư. Trường hợp chưa chính xác, Đại lý phân phối hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh;
- (4) Trong vòng ba (03) ngày kể từ Ngày giao dịch của quỹ mục tiêu, Đại lý phân phối thông báo cho Nhà đầu tư kết quả giao dịch Chứng chỉ Quỹ;

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Stt	Đại lý phân phối	Địa điểm phân phối
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt Website: http://www.baovietfund.com.vn	- Trụ sở chính: - Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; - Số điện thoại: (84-24) 3 928 9589
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt Website: http://www.bvsc.com.vn	- Phòng giao dịch hội sở: - Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội; - Số điện thoại: (84-24) 3928 8080 - Phòng giao dịch Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: - Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; - Số điện thoại: (84-28) 3 821 8564
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhật Bản Website: https://www.japan-sec.vn	- Trụ sở chính: - Địa chỉ: Tầng 3&4 tòa nhà viglacera – số 2 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội - Số điện thoại: (84-24) 3 7911818

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN TRONG DANH MỤC ĐẦU TƯ

1. Đối với tiền gửi

Stt	Hạng mục	Nguyên tắc định giá
1.1	Tiền gửi thanh toán tại ngân hàng	Số dư trên tài khoản thanh toán, tài khoản phong tỏa tại ngày trước Ngày định giá.
1.2	Đối với tiền gửi có kỳ hạn	Bảng tiền gốc cộng lãi lũy kế theo hợp đồng tính đến ngày trước Ngày định giá.

2. Đối với tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ trên thị trường tiền tệ chiết khấu (sau đây gọi là Công cụ thị trường tiền tệ):

Stt	Niêm yết/ Đăng ký tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK	
2.1	Trường hợp có giá thị trường trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá:	<ul style="list-style-type: none">- Đối với giá thị trường không thuộc trường hợp có nhiều biến động: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu được quy đổi từ giá yết cuối ngày tại ngày có giao	<ul style="list-style-type: none">- Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:<ul style="list-style-type: none">- Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là lãi suất xác

		<p>dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HSX hoặc HNX</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với giá thị trường có nhiều biến động (*): Theo quy định tại điểm 2.2 dưới đây. 	<p>định theo phương pháp nội suy tuyến tính (<i>nếu cần</i>) từ lãi suất trúng thầu của đợt phát hành công cụ thị trường tiền tệ tương tự (<i>công cụ thị trường tiền tệ cùng loại, cùng tổ chức phát hành</i>) trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá (<i>Lưu ý: Chỉ áp dụng đối với công cụ thị trường tiền tệ không trả lãi</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách;
2.2	<p>Trường hợp không có giá thị trường nhiều hơn 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá hoặc thuộc trường hợp giá thị trường có nhiều biến động trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá:</p>	<p>Sử dụng Giá trị hợp lý của tài sản được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là lãi suất xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính (<i>nếu cần</i>) từ lãi suất trúng thầu của đợt phát hành công cụ thị trường tiền tệ tương tự (<i>công cụ thị trường tiền tệ cùng loại, cùng tổ chức phát hành</i>) trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá (<i>Lưu ý: Chỉ áp dụng đối với công cụ thị trường tiền tệ không trả lãi</i>); - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách; 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách;
	<p>(*) Trường hợp giá thị trường có nhiều biến động đối với Công cụ thị trường tiền tệ được xác định là giao dịch có lãi suất chiết khấu vượt quá Giới hạn chênh lệch so với lãi suất</p>		

<i>chiết khấu được sử dụng để định giá cho Ngày định giá gần nhất trước đó (hoặc lãi suất chiết khấu khi thực hiện đầu tư đối với công cụ được định giá lần đầu tiên):</i>	
Tài sản	Giới hạn chênh lệch
Công cụ thị trường tiền tệ	± 50 bps

3. Đối với trái phiếu Chính phủ

Stt	Niêm yết tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK	
3.1	<p>Trường hợp có giá thị trường trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với giá thị trường được ghi nhận từ các giao dịch thông thường đồng thời không thuộc trường hợp có nhiều biến động: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu được quy đổi từ giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày Định Giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HNX</i>). - Đối với giá thị trường có nhiều biến động (**): Theo quy định tại điểm 3.2 dưới đây. 	<p>Theo phương pháp Giá trị sổ sách</p>
3.2	<p>Trường hợp không có giá thị trường nhiều hơn 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá hoặc thuộc trường hợp giá thị trường có nhiều biến động trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá</p>	<p>Sử dụng Giá trị hợp lý của tài sản được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>); 	

		- Theo phương pháp Giá trị sổ sách;	
<p>(**) Trường hợp giá thị trường có nhiều biến động đối với trái phiếu Chính phủ được xác định là giao dịch có lãi suất chiết khấu vượt quá Giới hạn chênh lệch so với Lãi suất tiêu chuẩn như sau:</p>			
	Kỳ hạn còn lại	Lãi suất tiêu chuẩn	Giới hạn chênh lệch
	Từ 5 năm trở xuống	Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính	± 20 bps
	Trên 5 năm đến 10 năm	Lãi suất của kỳ hạn tương ứng trên đường cong lãi suất VBMA được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính	± 10 bps
	Trên 10 năm	Lãi suất được xác định theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở lãi suất trúng thầu gần nhất của kỳ hạn cận dưới (<i>ngắn hơn liền kề</i>) và kỳ hạn cận trên (<i>dài hơn liền kề</i>)	± 05 bps

4. Trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương:

Stt	Niêm yết tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK
4.1	<p>Trường hợp có giá thị trường trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá:</p>	<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>);
	<p>- Đối với giá thị trường được ghi nhận từ các giao dịch thông thường đồng thời không thuộc trường hợp có nhiều biến động: Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu được quy đổi từ giá yết cuối ngày của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày Định Giá (<i>Nguồn thông tin: Bloomberg từ kết quả giao dịch trên HNX hoặc HSX</i>).</p>	

		- Đối với giá thị trường có nhiều biến động (***) : Theo quy định tại điểm 4.2 dưới đây.	- Theo phương pháp Giá trị sổ sách;						
4.2	Trường hợp không có giá thị trường nhiều hơn 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá hoặc thuộc trường hợp giá thị trường có nhiều biến động trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá	Sử dụng Giá trị hợp lý của tài sản được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở lãi suất chiết khấu với lãi suất sử dụng là Lãi suất chiết khấu trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); - Theo phương pháp định giá do Ban Đại diện Quỹ quyết định (<i>nếu có</i>); - Theo phương pháp Giá trị sổ sách; 							
<p>(***) Trường hợp giá thị trường có nhiều biến động đối với trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được xác định là giao dịch có lãi suất chiết khấu vượt quá Giới hạn chênh lệch so với lãi suất chiết khấu được sử dụng để định giá cho Ngày định giá gần nhất trước đó (hoặc lãi suất chiết khấu khi thực hiện đầu tư đối với trái phiếu được định giá lần đầu tiên);</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;">Tài sản</th> <th style="width: 30%;">Giới hạn chênh lệch</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Trái phiếu doanh nghiệp</td> <td style="text-align: center;">± 50 bps</td> </tr> <tr> <td>Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương</td> <td style="text-align: center;">± 30 bps</td> </tr> </tbody> </table>				Tài sản	Giới hạn chênh lệch	Trái phiếu doanh nghiệp	± 50 bps	Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	± 30 bps
Tài sản	Giới hạn chênh lệch								
Trái phiếu doanh nghiệp	± 50 bps								
Trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương	± 30 bps								

5. Đối với cổ phiếu và liên quan:

Stt	Hạng mục	Niêm yết tại SGDCK	Chưa niêm yết tại SGDCK ¹
5.1	Cổ phiếu phổ thông	- Trường hợp có giá thị trường trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá:	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:

¹Bao gồm cả cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch; cổ phiếu đã nhận giấy phép niêm yết/đăng ký giao dịch nhưng chưa chính thức giao dịch thông qua SGDCK.

		<p>Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định giá;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không có giá thị trường nhiều hơn 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá, sử dụng Giá trị hợp lý của tài sản theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: <ul style="list-style-type: none"> • Giá được xác định trên cơ sở giá trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); • Mức giá thấp nhất trong số các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giá trị sổ sách của tổ chức phát hành (<i>trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc báo cáo soát xét giữa niên độ</i>); ✓ Giá mua; ✓ Giá giao dịch gần nhất 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định trên cơ sở giá trung bình do 03 tổ chức báo giá cung cấp (<i>không quá 10 ngày làm việc tính đến Ngày Định Giá</i>); - Giá thấp nhất trong số các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị sổ sách của tổ chức phát hành(<i>trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc báo cáo soát xét giữa niên độ</i>); • Giá mua;
<p>Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:</p>		<p>Sử dụng giá thấp nhất trong số các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa phiên giao dịch cuối; hoặc - Giá mua - Giá trị sổ sách của tổ chức phát hành(<i>trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc báo cáo soát xét giữa niên độ</i>); 	
<p>Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:</p>		<p>Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống trong số các mức giá sau:</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị hợp lý của tài sản trừ các khoản nợ của tổ chức phát hành đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp định giá khác được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ thông qua. 	
5.2	Quyền mua cổ phiếu	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý của tài sản (<i>xác định theo quy định tại điểm 5.1 nêu trên</i>) trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền và số lượng quyền được hưởng. Trong trường hợp định giá quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 (<i>không đồng</i>).	Giá trị sổ sách sau khi pha loãng căn cứ báo cáo tài chính gần nhất;
5.3	Chứng quyền	Định giá theo mô hình Black-Scholes	
5.4	Cổ phiếu thưởng	Cơ sở xác định giá là giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày trước Ngày định giá	Giá trị sổ sách sau khi pha loãng căn cứ báo cáo tài chính gần nhất;
5.5	Cổ phiếu ưu đãi cổ tức	Giá mua cộng lãi lũy kế	

6. Đối với chứng khoán phái sinh niêm yết

- Trường hợp có giá thị trường trong vòng 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá, sử dụng giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất đến ngày trước Ngày định Giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 10 ngày làm việc gần nhất đến Ngày định giá, theo phương pháp được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt

7. Các tài sản khác được phép đầu tư nhưng chưa quy định phương pháp định giá

Giá xác định theo phương pháp được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ Quỹ phê duyệt.

PHỤ LỤC 5: BIỂU PHÍ VỚI NGÂN HÀNG GIÁM SÁT, LƯU LÝ VÀ TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Phí Lưu ký và Giám sát:

Stt	Loại phí	Mức phí	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Phí lưu ký, giám sát				
		0,08%/NAV/Năm	Tối thiểu 25.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%
A.II Phí lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu, trái phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,01% giá trị giao dịch	Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
A.III Phí lưu ký, chuyển khoản của VSD (Phí của bên thứ 3)				
A.3.1	Phí lưu ký	0,4 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng		Phí lưu ký và phí chuyển khoản theo Quy định Bộ Tài chính trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu phí thì khoản mục phí này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Phí chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/lần chuyển khoản/mã chứng khoán	Không áp dụng/500,000 đồng/lần/mã chứng khoán	
A.3.3	Các khoản phí VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		

- Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức phí dịch vụ như sau:

- Phí dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền giao dịch (<i>mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản</i>) - Đối với 400 giao dịch đầu tiên trong tháng: - Đối với giao dịch trong tháng từ số 401 trở đi:	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/một giao dịch (<i>Giá trị giao dịch = số lượng CCQ giao dịch x NAV/CCQ mà Công ty Quản lý Quỹ công bố tại Ngày giao dịch liền trước</i>)
3	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
4	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
5	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí
6	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

- **Phí khác**

- Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.
- Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.